

Tạng Thư Phật Học

Phước Huệ Song Tu



KINH BỒ TÁT BẢN HẠNH

Hán dịch: Mật tên người dịch - Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn

Việt dịch: Linh-Son Pháp Bảo Đại Tạng Kinh

ॐ



www.tangthuphathoc.net

KINH
BỒ
TÁI
BẢN
HÀNH

KINH BỒ TÁT BẢN HẠNH

Hán dịch: Mật tên người dịch - Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn

Việt dịch: Linh-Son Pháp Bảo Đại Tạng Kinh

卍

QUYÊN THUỢNG

Nghe như vậy:

Một thuở nọ Đức Phật ở tại khu lâm viên thái tử Kỳ-đà, cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy các vị Sa-môn tâm biếng nhác, chẳng siêng năng, tinh tấn, mới bảo Tôn giả A-nan:

-Tánh biếng nhác, đem lại hậu quả vô cùng tai hại. Nếu người ở đời mà biếng nhác thì cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, tài sản nghiệp nhà không phát triển. Nếu hàng xuất gia mà biếng nhác thì không thể vượt ra khỏi bể khổ sinh tử. Do đó nên biết rằng tất cả kết quả tốt đẹp đều phát sinh từ hạnh tinh tấn. Nếu người ở đời mà tinh tấn thì cơm ăn, áo mặc đều đầy đủ, dư giả, nhà cửa ngày càng phát đạt, được kẻ xa người gần khen ngợi. Nếu người xuất gia tu hành tinh tấn thì đạo nghiệp sẽ được thành tựu. Muốn được đầy đủ kho tàng pháp ba mươi bảy phẩm trợ đạo và các chánh định... cắt đứt dòng sinh tử, đạt đến cảnh giới Niết-bàn vô vi an lạc, thì phải siêng năng tinh tấn.

Nếu biết lấy hạnh tinh tấn làm nền tảng, thì việc thực hiện các pháp: Sáu độ Ba-la-mật, bốn pháp bình đẳng, bốn ân, bốn vô úy, mười lục, mười tám pháp đặc biệt bất cộng của Như Lai, sáu thông, ba đạt, thành Nhứt thiết trí, thì cũng không có gì là khó khăn cao xa hết. Ngoài ra muốn đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, giáo hóa chúng sinh để trang nghiêm cõi Phật, cũng đều do tu hạnh tinh tấn này mà thành tựu.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Về thuở quá khứ cách đây vô số kiếp, có năm trăm người con hàng Trưởng giả, thiết lập đàn tràng bố thí rộng lớn, dựng cờ, đánh trống và bố cáo rằng: Các bậc Sa-môn, Bà-la-môn và những người ăn xin đều được cúng dường cung cấp. Năm trăm người con hàng Trưởng giả đều bỏ ra nhiều loại ngọc ngà châu báu, voi, ngựa, xe cộ, áo quần, mũm mền và các thức ăn uống... tùy theo nhu cầu của mỗi người mà cung cấp.

Thời ấy có một người nghèo khổ, tha phương cầu thực ở rất nhiều nước, nay đến nước này, thấy năm trăm người con hàng Trưởng giả thiết

lập đàn tràng, chẩn thí để giúp đỡ người nghèo thiếu một cách chu toàn, trong tâm không có một chút lần tiếc, nên hỏi các người con hàng Trưởng giả:

-Quý vị đem công đức bố thí này cầu mong việc gì?

Năm trăm người con hàng Trưởng giả liền trả lời:

-Đem công đức bố thí này cầu thành Phật đạo.

Kẻ nghèo khổ lại hỏi:

-Sao gọi là Phật đạo? Và Phật ấy thế nào?

Các người con hàng Trưởng giả đáp:

-Xét về quả vị thì Phật vượt hai quả vị A-la-hán và Bích-chi-phật, là vị Thầy đặc biệt tôn quý của trời, người trong ba cõi. Ngài có lòng đại Từ vô lượng, đại Bi vô biên, thương xót chúng sinh trong năm đường giống như mẹ hiền thương con đỏ. Ngài khuyến hóa tất cả chúng khiến thực hành điều lành để cắt đứt các cảnh khổ trong ba đường ác, vượt qua biển khổ sinh tử, đi đến cảnh giới Niết-bàn an lạc.

Sở dĩ gọi là Phật vì Ngài đã dứt sạch các điều ác, chứa tất cả điều lành, các phiền não ô nhiễm không còn phát sinh, tâm ái dục đều diệt, đầy đủ sáu độ Ba-la-mật, dùng phương tiện tùy thời giáo hóa không có lúc nào gián đoạn. Có mười thần lực, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng đặc biệt, ba mươi bảy phẩm trợ đạo là kho tàng Phật pháp vô giá. Thân màu vàng tía, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, sáu phép thần thông suốt không bị chướng ngại, biết rõ vô cùng kiếp quá khứ, vô cùng kiếp vị lai và những sự việc trong hiện tại, không có việc gì là không thấu suốt. Ba minh như tám gương soi sáng vô cùng tận không gian và thời gian, được thể hiện qua mười câu nghĩa. Có đầy đủ những đức như thế gọi là Phật. Sở dĩ các người con hàng Trưởng giả mỗi mỗi đều ca ngợi Đức Phật có vô lượng đức hạnh là do nguyên nhân như vậy.

Khi đó, kẻ nghèo khổ nghe được công đức của Phật, trong tâm tự nghĩ: “Ta nay cũng muốn học theo nguyện ấy để rộng độ tất cả chúng sinh, ngặt vì ta nghèo không có tài sản quý giá, vậy nên đem cái gì làm việc bố thí?”. Trong tâm tự nghĩ sẽ đem tám thân mình dùng vào việc bố thí. Ý nghĩ như vậy rồi, liền thực hành hạnh cao cả ấy, đem bần thóa khắp châu thân, nằm ngoài gò mả, phát nguyện: “Ta nay dùng thân này bố thí cho tất cả chúng sinh. Như có ai muốn dùng thịt, đầu, mắt, tủy, não, ta

đều xin bố thí, nguyện đem công đức này cầu thành Phật đạo, độ khắp chúng sinh”.

Phát nguyện này rồi, liền lúc đó, cả cõi Tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động dữ dội, các cung điện cao ngất của chư Thiên bị lay chuyển. Bấy giờ, chư Thiên nơi cõi trời run rẩy lo sợ. Thích Đề-hoàn Nhân lập tức dùng Thiên nhãn quan sát cõi Diêm-phù-đề, thấy một Bồ-tát dùng thân bố thí đang nằm ngoài gò má, liền giáng xuống để thử tâm Bồ-tát này. Thích Đề-hoàn Nhân liền biến hóa làm các loài chó, loài chim, loài thú... cùng nhau bay đuổi muốn đến ăn thịt. Bồ-tát thấy đàn chó và bầy chim cùng nhau đến ăn thịt mình, tâm ý lại hoan hỷ, không chút lay động, thoái chuyển. Vua trời bèn hiện nguyên hình là Thích Đề-hoàn Nhân ca ngợi:

-Lành thay! Lành thay! Rất là đặc biệt, khó ai làm được.

Rồi hỏi vị Bồ-tát.

-Chẳng biết ngài đem công đức của hạnh bố thí này cầu mong việc gì? Phải chăng là cầu mong làm vua cõi trời Phạm thiên hay làm vua Chuyển luân?

Bồ-tát đáp:

-Chẳng phải mong cầu làm Chuyển luân thánh vương hay làm vua các cõi trời, Ma vương, Phạm vương, cũng chẳng nguyện cầu cảnh vui trong ba cõi. Ta nay chí tâm cầu thành Phật. Vì ta nghèo không có tài sản dùng; vào việc bố thí, nên đem thân này bố thí với sở nguyện cầu mong thành Phật, độ vô lượng tất cả chúng sinh.

Vua trời Thích Đề-hoàn Nhân cùng vô số chư Thiên, khác miệng cùng lời đồng nhau ca ngợi:

-Hay thay! Hay thay! Quá đặc biệt, khó ai sánh được!

Bèn đọc bài kệ:

Mong cầu đạo tôi thắng
Chẳng tiếc thân mạng mình
Xả thân như đất bần
Do chấp ngã không còn.
Tài thí tuy là quý
Việc này chẳng phải khó
Dũng mãnh như thế kia

Tinh tấn mau thành Phật.

Đọc bài kệ xong, Thích Đề-hoàn Nhân nói với Bồ-tát:

-Sức đại dũng mãnh, đại tinh tấn của ngài khó ai sánh bằng, vượt hơn sự tài thí của năm trăm vị Bồ-tát con hàng Trưởng giả, gấp hơn trăm ngàn muôn ức lần, không thể kể xiết. Do việc làm ngày hôm nay, ngài sẽ thành Phật trước năm trăm vị Bồ-tát kia.

Đế Thích và chư Thiên dùng hương hoa trời rải trên mình Bồ-tát, rồi lui về một cách hoan hỷ.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Người nghèo cùng đó chính là thân Ta hôm nay, còn năm trăm người con hàng Trưởng giả lúc ấy nay là Di-lặc cùng năm trăm vị Bồ-tát. Ta do dũng mãnh tinh tấn, vượt lên trên công đức của các vị Bồ-tát kia, nên nay Ta thành Phật trước.

Bồ-tát bỏ thí như vậy, siêng năng tu hành tinh tấn là việc làm cần thiết trước tiên.

Tôn giả A-nan và chư Tỳ-kheo nghe lời Phật nói, không một ai là không hoan hỷ, tất cả lễ Phật, mọi người đều tinh tấn, chinh đốn đạo hạnh của mình.

* *
*

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Có một vị cư sĩ giàu có, của cải vô số, ngọc ngà châu báu của ông ta nhiều hơn kho tàng nhà vua, tên là Ma-ha-nam-ma, là người tham lam bòn sẻn, không dám ăn mặc, không biết bố thí. Khi nào đi đâu thì đánh chiếc xe cũ kỹ, kết cỏ làm lọng, mặc đồ tồi tàn, ăn thì cơm hẩm tầm thường chứ chưa từng nếm thử món ngon vật lạ, đến giờ ăn lại đóng cửa. Qua cơn đau nặng thành phải bỏ thân, lại không con cái nên vua Ba-tư-nặc sung công tất cả tài sản, châu báu ngọc ngà mà chính bản thân ông ta cùng vợ chưa từng dám thọ dụng bao giờ.

Vua Ba-tư-nặc liền đến nơi Đức Phật đang trụ, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, rồi trở về chỗ mình thường ngồi, bạch Phật:

-Thưa Đức Thế Tôn, nước con có một cư sĩ tên là Ma-ha-nam- ma, - là người tham lam bòn sẻn, không biết bố thí, không dám ăn mặc nay đã chết rồi, không biết ông ta sinh về cảnh giới nào?

Đức Phật bảo nhà vua:

-Thần thức ông ta đọa vào địa ngục thú dữ, trải qua ngàn vạn năm chịu mọi đau khổ. Thoát khỏi cảnh địa ngục rồi, lại đọa vào cảnh ngạ quỷ, suốt ngày đêm bị đói khát, thân thường bị lửa đốt, trải qua trăm ngàn năm như vậy, hoàn toàn chưa từng nghe đến danh từ cơm nước.

Nhà vua nghe lời Phật dạy, lòng quá sợ hãi, chân lông nổi ốc, không dẫn được lòng nên buồn tủi rơi lệ.

Đức Phật bảo với vua:

-Xét về người trí, thường xả bỏ tánh bòn sẻn tham lam, thực hành hạnh bố thí, hiện đời được nhiều người giúp đỡ, kiếp sau được hưởng phước giàu sang.

Đức Phật lại bảo:

-Này đại vương, về thời quá khứ, cõi Diêm-phù-đề này có một Hoàng đế trị vì một nước lớn tên là Ca-na-ca-bạt-di, là người nhân từ, làm chủ cõi Diêm-phù-đề có tám vạn bốn ngàn vua chư hầu, một vạn đại thần, hai vạn thể nữ và một vạn phu nhân, đời sống của dân chúng hết sức hưng thịnh.

Bỗng nhiên có hỏa tinh xuất hiện vận hành, quan thái sử tiên đoán: “Sẽ bị đại hạn, trải qua mười hai năm không mưa”. Thái sử đem việc này tâu lên Hoàng đế:

-Hỏa tinh vừa xuất hiện, chắc chắn cõi Diêm-phù-đề sẽ bị đại hạn, trải qua mười hai năm không mưa, nếu không mưa thì ngũ cốc thất thu, muôn dân đói khát, quốc gia sẽ lâm vào cảnh hoang tàn điêu đứng. Ta sẽ làm thế nào bây giờ?

Chúa thượng nghe tâu, lòng rất lo âu phiền muộn, liền ra lệnh quân thần triệu tập tám vạn bốn ngàn vua nơi các tiểu quốc lập tức về tâu chúa thượng, nói rõ chư hầu phải dâng số kê khai số nhân khẩu của nước mình, lại cũng phải kê khai số lượng thực hiện còn nhiều ít, là bao nhiêu đấu, thăng. Bất luận nam nữ, giàu sang, nghèo hèn, lớn nhỏ... Tính số người và số ngày, bình quân cấp mỗi người một ngày là một thăng thóc, không được ăn no.

Quần thần và các vua chư hầu răm rắp tuân lệnh, rồi mỗi người trở về nơi nước của mình tuyên đọc sắc lệnh của hoàng thượng cho dân chúng nghe, tất cả từ trên xuống dưới một mực thi hành.

Từ đó về sau trời hạn không mưa, không có nước gieo trồng, nên không thu hoạch lúa thóc gì cả, do đó dân chúng chết đói rất nhiều.

Quần thần tâu lên Hoàng đế:

-Dân chúng quá đói nên chết rất nhiều.

Hoàng đế ra lệnh bảo cho các nước chư hầu dạy dân của mình tu tập mười điều lành. Tuy thân có chết đi, thần thức sinh lên cõi trời hưởng mọi diệu lạc tự nhiên.

Quần thần nhận sắc lệnh của hoàng đế rồi, đều ra lệnh cho muôn dân từ lớn đến nhỏ phải tu tập mười điều lành, ai giữ được mười điều lành, sau khi chết sinh lên cõi trời.

Lúc ấy, có một người trí tuệ thông minh, hình dung tuấn tú không ai sánh bằng. Người này thấy gia đình bà Tỳ-xá mẹ con thông dâm, thấy việc như vậy rồi tâm ông không vui, trong ý suy nghĩ: “Tuy mang thân người mà làm việc súc sinh, bị sắc dục khiến cho điên cuồng, con chẳng biết mẹ, mẹ chẳng biết con, điên đảo không biết kẻ trên người dưới, ở trong sinh tử, thật đáng sợ hãi”. Người ấy liền cạo tóc xuất gia, mặc áo hoại sắc, vào trong thâm sơn hay đến nơi đầm vắng, thiền tọa tư duy, suy nghĩ thế này: “Do có ngu si, tham dục và sân hận mà phát sinh các hành nghiệp, nên chịu quả báo đau khổ sinh tử trong năm đường. Nếu không có ba độc thì không có hành nghiệp, hành nghiệp đã diệt thì không thọ thân căn, đã không có thân thì các khổ liền diệt.”

Suy nghĩ như vậy, bỗng nhiên tâm trí được khai ngộ, các sự ham muốn tức thì diệt hẳn, liền chứng quả Bích-chi-phật, sáu phép thần thông thấu suốt không bị ngăn ngại. Rồi lại nghĩ: “Ngày nay ta sẽ đi khát thực ở đâu? Quán sát dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề đều đói khát, không thể đến họ khát thực được, chỉ có đại vương Ca-na-ca-bạt-di là thí chủ duy nhất, ta phải đến đó khát thực”, tức liền bay đến nội cung của đại vương ấy để khát thực. Đại vương nói: -Thực phẩm của ta chỉ đủ ăn một ngày nay nữa là hết.

Rồi đại vương thầm nghĩ: “Nếu hôm nay ta ăn phần ăn này rồi cũng phải chết, nếu ta không ăn thì cũng phải chết, chi bằng may gặp bậc Thần nhân khó gặp này, ta thà chẳng ăn, đem cúng phần ăn của ta cho vị Thượng nhân ấy”.

Nghĩ như thế rồi, đại vương đem phần ăn của mình dâng cúng cho vị Bích-chi-phật.

Bích-chi-phật thọ trai xong rồi, trong ý suy nghĩ: “Sự bố thí hôm nay của đại vương này khó ai sánh bằng, ta sẽ làm cho đại vương tăng thêm lòng hoan hỷ”. Nghĩ như vậy rồi, liền ở trước mặt đại vương, Bích-chi-phật bèn bay bổng lên hư không, biến hóa đủ cách: Ân phương Đông, hiện phương Tây; ân phương Tây, hiện phương Đông; ân phương Nam, hiện phương Bắc; ân phương Bắc, hiện phương Nam; ân phương dưới, hiện phương trên; ân phương trên, hiện phương dưới. Đi vòng quanh trên hư không, hoặc ngồi, hoặc nằm. Phía trên thân phun ra lửa, phía dưới thân phun ra nước, phía dưới thân phun ra lửa, phía trên thân phun ra nước. Từ một thân phân ra làm trăm ngàn vạn thân cho đến vô số, rồi đem vô số thân hiện làm một thân.

Biến hiện xong rồi, từ hư không giáng xuống đứng trước mặt đại vương, nói:

-Sự bố thí ngày hôm nay của đại vương khó ai sánh bằng. Đại vương muốn cầu nguyện những gì, ta sẽ giúp đỡ cho.

Đại vương cùng quần thần, phu nhân, thê nữ, tất cả đều vui mừng, đầu mặt sát đất đánh lễ dưới chân Bích-chi-phật, cầu nguyện:

-Nay muôn dân trong nước chúng tôi gặp phải tai họa khốn cùng, đến nỗi mạng sống chỉ còn trong giây lát, nay đem công đức của bữa ăn cuối cùng cúng dường cho Thượng nhân để cầu dứt trừ tai họa đói khát hiện có trong nước này. Đó là niềm ước mong duy nhất.

Bích-chi-phật đáp:

-Ta sẽ đáp ứng đúng như sở nguyện của các vị.

Nói xong liền bay đi mất dạng. Ngay khi đó, trên bầu trời mây cuộn cuộn nổi lên, gió lớn nổi dậy thổi sạch những vật dơ bẩn trên mặt đất, tất cả phần uế đều biến mất. Tiếp theo, mưa xuống thực phẩm đủ trăm mùi hương vị khắp cõi Diêm-phù-đề. Kế đến, mưa tuông toàn là ngũ cốc, rồi đến áo quần, mền mùng, cuối cùng là mưa xuống bảy thứ châu báu.

Tất cả tám vạn bốn ngàn vua chư hầu cùng thần dân trong cõi Diêm-phù-đề đều vui mừng không kể xiết!

Khi ấy Hoàng đế bảo quần thần ra lệnh cho tám vạn bốn ngàn vua chư hầu, mỗi người phải dạy tất cả dân chúng trong nước của mình tu hành mười điều lành.

Bấy giờ, toàn cõi Diêm-phù-đề ngũ cốc đều tươi tốt, thực phẩm đầy dẫy, muôn dân vui vẻ thực hiện theo mười điều lành, đem tình thương đối xử với nhau như cha, như mẹ, như anh, như em. Tất cả mạng chung đều sinh về cõi trời, không có một ai đọa vào ba đường dữ.

Đức Phật bảo đại vương Ba-tư-nặc:

-Hoàng đế Ca-na-ca-bạt-di thời đó là thân Ta ngày nay. Ta lúc ấy chỉ đem một bữa ăn cúng dường cho một vị Bích-chi-phật, hiện đời đó đã được công đức phước báo như thế, do công đức này đưa đến ngày nay Ta thành Phật, tất cả dân chúng đói khát khổ não trong thời ấy nay đều được chúng đạo, hưởng cảnh an ổn diệu lạc cho đến Niết-bàn tịch diệt.

Lúc ấy, tất cả hàng đệ tử cùng vua quan, thứ dân trong hội đều vui mừng. Đức Phật bảo đại vương Ba-tư-nặc:

-Tất cả chúng sinh bị sợi dây tham lam bôn sên trói buộc, bị sự phủ che của tham lam bôn sên ấy nên không biết bổ thí, phải chịu lấy quả đau khổ không thể kể xiết. Đức Phật nhớ lại về thuở quá khứ xa xưa, tại cõi Diêm-phù-đề này có một thành tên là Bất-lưu-sa, vị vua trong thành tên là Ba-đàn-ninh, phu nhân tên là Bạt-ma-kiệt-đề. Trong nước nhằm lúc củi quế gạo châu, muôn dân lâm vào cảnh đói khát, lại thêm bệnh tật. Nhà vua cũng bị lâm bệnh, phu nhân tự ý một mình ra ngoài thành cầu thân linh. Dọc trên đường đi có một gia đình, nhằm lúc người chồng đi vắng, người vợ lâm bồn mà không có người hộ sinh, thêm vào đó khi sinh xong ruột đói như cào, trong nhà không có thực phẩm, sản phụ đói lả muốn chết, nên lại thầm nghĩ: “Nay cái chết của ta sắp đến, toan tính vô phương, chỉ có một cách duy nhất là ăn thịt con mình để tự cứu mạng mà thôi”. Nghĩ như thế rồi, tay liền cầm dao sắp sửa giết con mình, nhưng trong lòng cảm động nên cất tiếng khóc òa! Đúng lúc đó phu nhân trên đường đi về cung, tai nghe tiếng khóc của sản phụ rất thảm thiết, lòng càng áo não xót thương, nên dừng chân lắng nghe. Còn người sản phụ ngay lúc cầm dao giết con mình trong tâm tự nghĩ: “Sao lại nhẫn tâm ăn thịt con”. Nghĩ như vậy rồi nên cất tiếng kêu khóc.

Phu nhân lập tức bước vào trong nhà, hỏi sản phụ:

-Vì sao kêu khóc? Muốn làm việc gì?

Sản phụ liền đáp:

-Không có thực phẩm để ăn, lại thêm vừa mới sinh, thân thể thêm yếu đuối bội phần, ý muốn giết con ăn thịt để cứu sống mạng mình.

Phu nhân nghe qua trong lòng xót xa đau đớn, nói:

-Người chớ giết con, đợi ta về cung, sẽ đem thịt đến cho người dùng.

Sản phụ nói:

-Phu nhân là bậc tôn quý, hoặc lại chậm trễ, hoặc lại quên mất. Mà tôi ngày nay mạng sống chỉ còn trong hơi thở không thể dần dà, chỉ bằng ăn thịt con mình để cứu lấy mạng.

Phu nhân lại hỏi:

-Người có thể ăn những thịt gì?

Sản phụ đáp:

-Thịt gì cũng được, miễn sao cứu được mạng người, không cần ngon dở.

Lúc ấy, phu nhân liền cầm dao tự cắt vú của mình và tự nguyện:

-Ta nay đem thịt vú này dùng vào việc bố thí để cứu nguy ách cho người ấy. Chẳng cầu làm Chuyển luân thánh vương, Thiên đế, Ma vương, Phạm vương... mà chỉ đem công đức này nguyện thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân.

Nguyện rồi đem vú của mình đưa cho sản phụ. Ngay lúc phu nhân cầm dao tự cắt vú, cả cõi Tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu thứ chấn động, các cung điện của chư Thiên đều bị rung chuyển. Trời Đế Thích dùng Thiên nhãn quán sát thế gian, thấy phu nhân tự cắt vú của mình để cứu mạng sống cho sản phụ. Lúc đó, trời Đế Thích cùng vô số chư Thiên liền bay xuống trụ trong hư không, đều buồn khóc, nước mắt tuôn rơi như trận mưa lớn. Đế Thích hiện xuống, đứng trước mặt phu nhân, hỏi:

-Sự bố thí ngày nay của phu nhân không ai sánh bằng, không biết phu nhân đem công đức ấy cầu nguyện việc gì?

Phu nhân đáp:

-Nguyện đem công đức này cầu thành tựu đạo Vô thượng Chánh chân, để độ cho tất cả chúng sinh thoát khỏi các khổ ách.

Đế Thích hỏi:

-Sở nguyện ấy lấy gì làm bằng chứng?

Phu nhân lập lời thề:

-Nếu công đức bố thí ngày nay của ta chắc chắn thành tựu đạo Chánh giác thì cái vú bị cắt của ta lập tức bình phục như cũ.

Dứt lời thề nguyện, thì vú của phu nhân bình phục lại như xưa.

Đế Thích ca ngợi:

-Lành thay! Lành thay! Đúng như sở nguyện, như định không bao lâu ngài sẽ thành Phật.

Nhà vua, quần thần cùng muôn dân hết sức ca ngợi, cho là việc hy hữu, vui mừng không kể xiết. Sau đó, bệnh tật trong nước được tiêu trừ, lúa gạo dồi dào, muôn dân hưởng cảnh thái bình an lạc. Chẳng bao lâu, nhà vua băng hà, quần thần nhóm họp, bàn luận tìm người kế vị.

Trời Đế Thích bèn giáng hạ, bảo quần thần:

-Phu nhân Bạt-ma-kiệt-đề ngày nay đã biến thành thân nam tử, lại thêm phước đức hơn người, vậy nên thỉnh người lên ngôi quốc vương. Tất cả quần thần vô cùng hoan hỷ, liền làm lễ đăng quang cho phu nhân.

Trông thời kỳ phu nhân làm vua, quốc gia hưng thịnh, dân chúng giàu có, hưởng cảnh thái bình no ấm.

Đức Phật bảo đại vương Ba-tư-nặc:

-Phu nhân Bạt-ma-kiệt-đề lúc ấy tức là thân Ta ngày nay. Ta không tiếc thân mạng, bố thí như vậy, nên hiện đời bấy giờ hưởng quả báo thân nữ biến thành thân nam, lại nối nghiệp đế vương. Cũng nhân công đức đó nên ngày nay thành Phật, hóa độ khắp tất cả chúng sinh.

Bồ-tát bố thí không còn chấp tướng và dững mãi như thế.

Thánh chúng đệ tử, vua, quan, muôn dân... nghe lời Đức Phật nói ai cũng đều hoan hỷ, lễ Phật mà lui về.

* *

*

Nghe như vậy:

Một thuở nọ Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ.

Trong thành có một Bà-la-môn, một hôm ra ngoài thành lập đàn cúng tế, bày tiệc ăn uống. Cúng tế ăn uống xong rồi, vị Bà-la-môn ấy thỉnh các Bà-la-môn khác vào thành. Nhân lúc ấy Đức Phật vào thành khất thực.

Trên con đường vào thành, Bà-la-môn trông thấy Đức Phật dung mạo oai nghiêm, hào quang rực rỡ, nên trong lòng hớn hở vui mừng, đi nhiễu quanh Phật một vòng, đánh lễ rồi đi. Đức Phật mỉm cười, hào quang từ miệng Phật chiếu khắp mười phương, trên tỏa đến cõi trời Ba mươi ba, dưới soi tới mười tám địa ngục lớn. Các loài ngạ quỷ nói chung, cảnh giới nơi năm đường không một ai là không hưởng sự màu nhiệm của ánh quang minh này. Người bệnh thì được lành, cảnh xiềng xích giam cầm trong lao ngục, tất cả đều được phóng thích. Còn chư Thiên, muôn dân, trông thấy hào quang của Đức Phật tất cả đều vui mừng, liền đi tới chỗ Đức Phật, dùng bao nhiêu là hương hoa để cúng dường Đức Thế Tôn. Tôn giả A-nan quỳ mọp trước Đức Phật, bạch:

-Nụ cười hân hoan của Đức Phật hôm nay nhiệm màu như vậy, không biết nụ cười ấy có ý nghĩa như thế nào mong Phật chỉ giáo cho.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Tôn giả có thấy ông Bà-la-môn lúc nãy đi nhiễu quanh Phật một vòng hay không?

Tôn giả A-nan đáp:

-Dạ vâng, con có thấy.

Đức Phật nói:

-Người Bà-la-môn ấy thấy Phật hoan hỷ, dùng ý thanh tịnh cung kính đi nhiễu quanh Phật một vòng. Do công đức này, Bà-la-môn đó từ nay trở về sau, trải qua hai mươi lăm kiếp không đọa vào trong ba đường ác. Ngược lại, sinh vào loài người hay trên cõi trời, nơi nào cũng hưởng an lạc vô cùng. Mãn hai mươi lăm kiếp rồi sẽ chứng quả Bích-chi-phật hiệu là Đặc-sân-na-kỳ-lê.

Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe lời Đức Phật nói, thân tâm đều được thanh tịnh. Có vị chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả Tu-đà-hàm, có người chứng quả A-na-hàm, A-la-hán, hoặc có người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân.

Chúng hội vui mừng, nhiều quanh bên phải rồi lễ Phật lui về.

* *
*

Nghe như vậy:

Một thuở nọ Đức Phật ở tại nước Uất-đơn-la-diên. Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn đi vào trong xóm làng. Sắc tướng của Như Lai, với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp tỏa hào quang rực rỡ chiếu sáng cả trời đất, không có một nơi nào là không sáng tỏ, cũng như ánh sáng vàng vạc của trăng đêm rằm giữa những đám sao nhấp nháy.

Ngài du hành gặp lúc trời nắng oi bức mà lại không có một bóng râm mát nào. Lúc ấy, có một người chăn dê thấy hào quang của Phật trong tâm tự nghĩ: “Như Lai Thế Tôn là Bạc Đạo Sư trong ba cõi, đi trong nắng oi ả thế này mà không có bóng râm mát.” Ông liền bện cỏ làm dù đi theo sau che trên đầu Đức Phật. Đi được một khoảng đường, cách bấy dê quá xa, anh ta bèn bỏ cỏ dù xuống đất, lật đật chạy về coi dê.

Đức Phật liền mỉm cười. Nụ cười vừa chớm nở thì nơi kim khẩu của Đức Thế Tôn phóng ra ngàn vạn đạo hào quang màu vàng rực rỡ lạ thường. Trong mỗi đạo hào quang lại phát ra trăm ngàn tia sáng chiếu khắp cả mười phương, trên cho đến cõi trời thứ Ba mươi ba, dưới thì đến mười tám địa ngục lớn, ngạ quỷ, súc sinh... không một nơi nào là không sáng chói.

Người và chư Thiên trong ba cõi thấy ánh quang minh của Đức Phật, lập tức liền đến chỗ Phật, tất cả dân chúng và các loài Rồng, A-tu-la, vô số chúng hội hết sức vui mừng, đem tất cả hoa hương và đủ thứ âm nhạc cúng dường Đức Như Lai.

Tôn giả A-nan quỳ mọp trước Đức Phật, bạch:

-Nụ cười của Phật không phải chỉ là cười suông, ắt có lý do. Xin Đức Phật nói rõ về ý nghĩa của nụ cười ấy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Tôn giả có thấy người chẵn dê khi nãy không?

Tôn giả A-nan thưa:

-Dạ, con có thấy!

Đức Phật bảo:

-Người chẵn dê ấy đem tâm cung kính, bện cỏ làm dù để che trên đầu Đức Phật. Do công đức này, trong mười ba kiếp tới đây, bất luận sinh lên cõi trời hay tại nơi thế gian, cuộc đời luôn luôn giàu sang phú quý, thường có chiếc dù bằng bảy thứ ngọc quý tự nhiên che trên đầu. Sau khi mạng chung không đọa vào ba đường ác. Mãn mười ba kiếp rồi, xuất gia hành đạo thành Bích-chi-phật hiệu là A- nậu-bà-đạt.

Tất cả đại chúng nghe Phật nói việc này rồi, có kẻ chứng các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm hay A-la-hán, hoặc thành Bích-chi-phật, hoặc phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, hoặc chứng quả vị Bất thoái chuyển.

Chúng hội vui mừng lễ Phật lui về.

* *
*

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đệ tử lớn của Phật là Xá-lợi-phất, ngày đêm sáu thời thường dùng đạo nhãn quán sát tất cả chúng sinh, xem căn tánh ai có thể độ được, liền đến hóa độ.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc có một đại thần tên là Sư Chất, giàu có tài sản vô lượng, lại có cơ duyên đáng được hóa độ, nên Tôn giả Xá-lợi-phất sáng sớm hôm sau, đắp y, mang bình bát đi thẳng đến nhà đại thần kia để khất thực.

Đại thần Sư Chất vừa thấy Tôn giả Xá-lợi-phất liền cung kính lễ bái, mời vào trong nhà ngồi trên tòa, hỏi thăm sức khỏe, rồi đại thần dâng đủ các thức ăn.

Sau khi Tôn giả thọ trai xong, rửa tay súc miệng, rồi vì đại thần Sư Chất mà thuyết pháp.

Tôn giả nói:

-Phú quý, địa vị, bổng lộc là nguyên nhân của các đau khổ. Nhà cửa, ân ái cũng như ở trong chốn lao ngục. Tất cả mọi sở hữu đều là vô thường. Tất cả sự tôn quý trong ba cõi cũng như sự biến hóa của trò ảo thuật. Thân hình lưu chuyển theo sinh tử trong năm cõi đều không có chủ thể.

Đại thần Sư Chất nghe Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp như vậy, trong tâm lo sợ không còn ham thích địa vị giàu sang, chẳng màng ân ái. Xem nhà ở như chốn gò mả, nên đem tất cả gia nghiệp vợ con giao lại cho người em ruột mình, rồi cạo bỏ râu tóc, thân mặc áo hoại sắc vào trong thâm sơn, thiên tọa hành đạo.

Lúc ấy, người vợ của đại thần Sư Chất cứ ưu sầu áo não, vẫn mơ tưởng Sư Chất, không chịu ân ái với người em chồng.

Người em Sư Chất nói:

-Nhà cửa, tài sản châu báu rất nhiều, nào có gì thiếu thốn mà lại luôn luôn buồn phiền chẳng vui?

Người vợ của đại thần Sư Chất đáp:

-Ta nhớ đến đại thần Sư Chất, là người chồng cũ của ta, do đó ta buồn rầu.

Người em của đại thần Sư Chất nói:

-Nay nàng cùng ta đã tác thành vợ chồng, tại sao ngày đêm vẫn mơ tưởng đến người cũ làm gì?

Người vợ của đại thần Sư Chất lại đáp:

-Người chồng cũ của ta tâm địa tốt đẹp không ai sánh bằng. Do vậy ta luôn mơ tưởng.

Người em của đại thần Sư Chất thấy chị dâu luôn luôn mơ tưởng tới người anh mình, nên e rằng người anh nếu không may thoái chí bỏ tu hoàn tục, trở về sẽ đoạt lại gia nghiệp vợ con. Nghĩ như thế rồi, anh ta bèn tính một kế, liền gọi một tướng cướp đến bảo:

-Ta thuê người năm trăm tiền vàng, đi chặt đầu Sa-môn Sư Chất đem về đây.

Tướng cướp nhận tiền thuê, rồi đi vào trong núi gặp Sa-môn Sư Chất. Sa-môn Sư Chất nói:

-Ta chỉ có một chiếc y cũ xấu này, ngoài ra không có tài sản gì nữa. Người vì lý do gì mà đến đây?

Tướng cướp đáp:

-Em ông thuê ta đến đây để giết ông.

Sa-môn Sư Chát nghe qua thì hoảng sợ, nói với tướng cướp.

-Ta là người mới xuất gia hành đạo, lại chưa gặp Đức Phật, cũng chưa tỏ ngộ giáo pháp, xin đừng tay giết ta, đợi khi ta gặp Đức Phật, hiểu ít giáo pháp rồi, chừng ấy sẽ giết cũng chẳng muộn.

Tướng cướp một mực nói rằng ta nhất định giết ông, không thể trì hoãn.

Sa-môn Sư Chát liền dang một cánh tay ra nói với tướng cướp:

-Người có thể chặt một cánh tay ta, còn thân tàn này để ta gặp Đức Phật được chăng?

Tướng cướp liền chặt một cánh tay của Sa-môn Sư Chát đem về giao cho người em.

Sa-môn Sư Chát sau đó tìm đường đến gặp Đức Phật. Khi gặp Đức Phật rồi, làm lễ, lui về chỗ ngồi.

Đức Phật vì Sa-môn Sư Chát mà thuyết pháp:

-Ông từ vô số kiếp xa xưa đến nay đã từng giết hại bao nhiêu người. Lượng máu chảy ra do ông chặt lấy tay, chân, đầu người ấy nhiều hơn nước nơi bốn biển. Xương người do ông sát hại chất cao hơn núi Tu-di. Nước mắt đau khổ của người do ông tạo ra nhiều hơn nước nơi bốn sông to. Sữa mẹ ông bú nhiều hơn nước sông bể. Ngày nay ông bị chặt tay là do quả báo từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng phải nhân quả chỉ trong một đời này.

Tất cả chúng sinh có thọ thân thì đều chịu các quả báo đau khổ. Tất cả các quả đau khổ đều từ nơi nhân tập mà phát sinh. Do tập nhân nơi ân ái mà có các khổ lụy này. Nếu si mê, ân ái dứt sạch thì nghiệp nơi tập nhân không còn. Hành nghiệp theo tập nhân không còn thì không thọ thân căn. Đã không có các thân căn thì các khổ liền tiêu diệt. Ông phải tư duy tu tập bát Chánh đạo.

Lúc ấy, Sa-môn Su Chất nghe lời Đức Phật dạy như vậy, tâm trí bỗng nhiên sáng suốt, liền ở trước Đức Phật chứng quả A-la-hán, rồi xả bỏ thân mạng nhập Niết-bàn.

Nói về tướng cướp, đem cánh tay của Sa-môn Su Chất về giao cho người em. Người em liền đặt cánh tay của anh mình trước chị dâu, rồi nói:

-Nàng thường nói mình luôn mơ tưởng đến người chồng cũ. Đây là cánh tay của ông ấy.

Người chị dâu thấy vậy, càng đau đớn nên buồn khóc nức nở, trong lòng rất bất bình, liền đem sự vụ tâu lên nhà vua. Nhà vua cho người điều tra, thấy đúng như sự thật nàng đã khai báo. Vua liền ra lệnh xử trảm người em.

Chư Tỳ-kheo nghi ngờ về trường hợp của Sa-môn Su Chất, nên bạch Đức Phật:

-Sa-môn này đời trước đã tạo nhiều điều ác gì mà ngày nay phải chịu quả báo bị chặt cánh tay? Rồi do đã tạo phước đức gì, nên được gặp Phật, lại chứng đạo quả A-la-hán? Xin Đức Phật thương xót chỉ dạy cho.

Đức Phật bảo đại chúng:

-Vào thời quá khứ lâu xa, tại nước Ba-la-nại có vị vua tên là Bà-la-đạt. Lúc ấy, nhà vua cùng quần thần du hành săn bắn, vì vua mãi mê đuổi theo con thú vào tận rừng sâu nên quên mất đường về. Lại thêm cây lá um tùm che khuất ánh sáng mặt trời, dù nghĩ đủ trăm cách nhưng không tài nào tìm được lối ra, nên càng hoảng hốt lo sợ. May đâu lúc ấy thấy phía trước đường có một vị Bích-chi-phật, nhà vua liền tiến đến, thưa:

-Quả nhân vì mãi đuổi theo con thú nên lạc đường không biết lối ra, hiện giờ không biết quần thần, quân lính, xe ngựa ở tại phương nào?

Do hai cánh tay của vị Bích-chi-phật bị ung độc nhức nhối vô cùng, nên không thể cử động để chỉ lối được, bèn dùng chân chỉ lối đi cho nhà vua.

Nhà vua tức giận, bắt tội khi quân, nói:

-Người là dân của ta, gặp ta đã không đứng dậy thủ lễ, còn lại khinh khi lấy chân chỉ lối cho ta.

Nhà vua nói xong liền rút gươm chặt đứt một cánh tay của Bích-chi-phật.

Bích-chi-phật tự nghĩ: “Nhà vua nếu không biết sám hối việc làm của mình vừa rồi, thì sẽ thọ quả báo trọng tội không có thời kỳ chấm dứt” Lúc ấy Bích-chi-phật ở trước nhà vua liền dùng thân tức thông bay thẳng lên hư không, biến hóa đủ cách. Nhà vua thấy vậy, rồi gieo năm vốc sát đất, lớn tiếng cầu xin sám hối tạ tội:

-Cúi mong Phật thương xót, giáng hạ xuống mặt đất thọ sự sám hối của con.

Bích-chi-phật liền hạ xuống đất, nhận sự sám hối của nhà vua. Nhà vua gieo năm vốc xuống sát chân Bích-chi-phật, làm lễ sám hối, tự bày tỏ:

-Cúi mong ngài xót thương thọ nhận sự sám hối của con, để con khỏi phải thọ quả khổ lâu dài.

Lúc ấy, Bích-chi-phật xả thân nhập vào Niết-bàn vô dư. Nhà vua thu hài cốt, xây tháp để thờ linh cốt của ngài. Nhà vua ở trước bảo tháp luôn dùng hoa hương cúng dường cầu xin sám hối. Do đó, nay thoát khỏi vòng sinh tử.

Đức Phật bảo đại chúng:

-Nhà vua lúc ấy nay là vị Sa-môn Sư Chất này. Do chặt cánh tay của Bích-chi-phật nên bị quả báo trong năm trăm đời bị chặt cánh tay mà chết, cho đến việc thọ báo ngày hôm nay cũng vậy. Do sự sám hối nên không bị đọa địa ngục, mà được trí tuệ sáng tỏ, thoát khỏi sinh tử thành bậc A-la-hán.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Tất cả những nghiệp nhân, họa hay phước đều không mất đi đâu cả. Tất cả đại chúng nghe lời Đức Phật dạy, không ai là không kính sợ, đồng gieo năm vốc sát đất lễ Phật.

* *
*

Thuở xưa, Đức Phật ở tại ao A-nậu-đạt bảo năm trăm vị A-la-hán:

-Mỗi người tự nêu bày việc làm ở thời quá khứ của mình, mà do đó nay được chứng đạo.

Các vị A-la-hán theo lời dạy của Đức Phật, mỗi vị đều nói về công đức của các việc làm trong quá khứ của mình.

Lúc đó, có A-la-hán tên là Bà-đa-kiệt-lê tự nêu bày:

-Về thời quá khứ vô số kiếp, có Đức Phật ra đời hiệu là Định Quang Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, giàu lòng đại từ bi, xót thương giúp đỡ tất cả, làm nơi nương tựa che chở cho chúng sinh, xuất hiện ở đời giáo hóa trời người khiến, họ đắc đạo rồi mới nhập Niết-bàn. Xá-lợi được phân chia, xây tháp an trí cúng dường.

Vào thời kỳ giáo pháp của Đức Phật này sắp diệt tận, tôi là người bản cùng không kế sinh nhai, nên đi đây đó đôn củi độ nhật. Bỗng từ xa trông thấy một ngôi tháp đồ sộ, nguy nga, nằm cạnh một cái đầm lớn. Khi mắt trông thấy thì tâm rất đổi vui mừng, không sao kể xiết. Vội vàng rảo bước đến đó chiêm ngưỡng, lễ bái, trong người lâng lâng thoải mái. Thấy các loài chồn, cáo, chim chóc... nằm ngủ trong đó, chung quanh cây cỏ um tùm, gai góc chằng chịt và đầy dẫy phân chim, thú. Tuyệt nhiên không có người quản thủ và cũng không có một dấu vết của người đi lại chiêm ngưỡng cúng dường.

Tôi thấy cảnh hoang vắng như vậy, trong lòng lấy làm xót xa vô cùng. Không biết pháp công đức nơi thần lực của Như Lai như thế nào, mà đã khiến tâm tôi hớn hở dốc sức chặt phát cỏ cây và quét dọn sạch sẽ những phân của cầm thú, chim chóc, chồn cáo... Quét dọn xong, trong tâm càng vui vẻ, chí thành nhiều quanh tháp tám vòng, chấp tay đánh lễ rồi lui về.

Do công đức này, sau khi mạng chung được sinh lên tầng trời thứ mười lăm là cõi Quang âm, dùng các thứ ngọc quý trang sức nơi cung điện nên hào quang rực rỡ, trang nghiêm tráng lệ, vô cùng tươi đẹp, vượt hẳn các cung điện của chư Thiên khác. Thọ mạng ở cõi trời xong, lại một trăm đời làm Chuyển luân thánh vương trị vì bốn châu thiên hạ, bảy báu tự nhiên tùy theo ý muốn. Mãn kiếp số làm Chuyển luân thánh vương, lại thường sinh vào nhà Trưởng giả, dòng họ tôn quý của hoàng tộc, giàu có vô cùng, dung mạo đẹp đẽ, không có người thứ hai sánh bằng, hễ ai trông thấy tôi đều sinh tâm hoan hỷ kính mến. Khi muốn ra đi, đường xá tự nhiên sạch sẽ, chư Thiên ở trên không rải hoa tở lòng cung kính. Bất cứ sống ở chỗ nào cũng được như vậy.

Chín mươi kiếp xoay vần trong một A-tăng-kỳ, khi thì sinh lên cõi trời, khi thì sinh trong nhân gian, lúc nào cũng hưởng cảnh phú quý tự nhiên, không rơi vào ba đường ác.

Tôi nhớ đây là sự việc quan trọng trong các sự việc đặc biệt của đời tôi về quá khứ. Ngày nay, phước báo cuối cùng của tôi đã viên mãn, đã gặp được bậc Thầy họ Thích, Bậc Đại Hùng trong ba cõi, được vào trong giáo pháp của Ngài, thành bậc Sa-môn, chúng được sáu phép thần thông, không việc gì làm ngăn ngại, dứt sạch các tham dục, thành bậc A-la-hán. Lại không bị các việc lạnh nóng và ẩm làm bức dạc, tâm được thanh tịnh, hết sức an vui.

Nếu đối với Tam bảo, tạo được mây may điều lợi ích gì, bất cứ ở cảnh giới nào cũng được phước báo vô cùng to lớn.

Tôi nghĩ nhớ đức hạnh đã tạo trong quá khứ như vậy, nên nay được quả báo như thế này.

Bà-đa-kiệt-lê ở trước Phật trình bày việc làm về thời quá khứ của mình, rồi lễ Phật lui ra đứng qua một bên.

* *

*

Khi Đức Phật mới thành đạo, quán xét căn tánh của chúng sinh do ngu si điên đảo, nên ương bướng khó giáo hóa. Như Lai dầu có thuyết pháp thì ai là người chịu nghe theo, chỉ bằng Ngài nhập vào Niết-bàn, và lại cũng không có người đến thỉnh Phật thuyết pháp.

Vua trời Phạm thiên biết được Đức Phật có ý muốn nhập Niết-bàn, liền cùng với vô số chư Thiên cõi Phạm thiên chỉ trong khoảng khắc như lực sĩ duỗi cánh tay, liền đến trước Đức Phật, đầu mặt lễ sát đất, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, rồi chấp tay quỳ mọp trước Phật, bạch:

-Chúng sinh nơi ba cõi sống trong cảnh mờ tối đã quá lâu, nay mới có Bậc Đại Thánh xuất hiện. Cúi mong Đức Thế Tôn dĩ lòng đại từ đại bi vô lượng, thương xót chúng sinh, mong Ngài nhận lời thưa thỉnh này, hết sức mong Ngài nhận lời thưa thỉnh của chúng con, khai diễn kho tàng Phật pháp để bố thí ánh sáng trí tuệ.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

-Chúng sinh khó giác ngộ, do mê lầm điên đảo. Dầu Ta có nói giáo pháp, ai là người chịu nghe theo, chỉ bằng Ta sớm nhập vào Niết-bàn.

Lúc ấy, Phạm thiên lập lại lời thỉnh:

-Chúng sinh trong ba cõi, đã từ lâu sống trong cảnh giới tối tăm, trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp mới gặp Đức Phật ra đời. Như hoa Ưu-đàm-bát rất lâu mới nở, cũng như chur Phật khó gặp. Cúi xin Đức Như Lai tăng thêm lòng đại bi, nguyện nói giáo pháp để khai ngộ kẻ ngu si.

Phạm thiên nói tiếp:

-Đức Thế Tôn từ vô số kiếp đến nay đã từng xả bỏ thân mạng, đầu, mắt, tủy, não, da, thịt, xương, máu, quốc gia, vợ con.. bố thí cho tất cả, vì chúng sinh phát nguyện rộng lớn, sẽ vì chúng sinh làm ánh quang minh rực rỡ.

Lại nữa, về thời quá khứ cách đây vô số kiếp, lúc ấy tại cõi Diêm-phù-đê có vị vua cai trị một nước lớn, tên là Độ-xà-na-tạ-lê, là người nhân từ, dũng mãnh, đoan chánh tột bậc, thống lãnh tám muôn bốn ngàn các chư hầu, nước nhà hưng thịnh, dân chúng an lạc. Một hôm nọ, đại vương ngồi tĩnh tọa tư duy nơi cung điện, suy nghĩ: “Xét người ở đời được sự tôn vinh, hưởng cảnh giàu sang phú quý an lạc tự nhiên đều do đời trước đã trồng căn lành, trau dồi trí tuệ. Vì lý do đó nên hôm nay mới được như vậy. Đã được hưởng cảnh tôn vinh, phú quý, an lạc tự nhiên rồi, trở lại đam mê sắc dục, không nghĩ đến con vô thường, lại không biết vun trồng thiện căn để tiếp nối phước báo cho đời sau. Cũng như loài súc sinh, suốt ngày ăn no nê không biết dụng công tu tính. Phạm là người có trí cần phải trau dồi trí tuệ, để chánh pháp ngày được mở mang”.

Nhà vua suy nghĩ như vậy rồi, liền bảo các cận thần:

-Ta muốn nghe chánh pháp, các khanh truyền lệnh cung thỉnh bậc trí tuệ vì ta mà thuyết pháp.

Quần thần nhận lệnh, rồi sai đi khắp các nước trong bốn phương tuyên lệnh của đại vương, cầu thỉnh các bậc đại trí thông minh.

Bấy giờ, có một người thuộc dòng Bà-la-môn, học vấn quảng bác, trí tuệ siêu quần, đến nhận lệnh của nhà vua. Quần thần tâu lên đại vương:

-Nay có một người Bà-la-môn là bậc thông minh trí tuệ, học thức uyên bác, đang đứng chờ lệnh ngoài ngõ.

Nhà vua vừa nghe qua trong lòng hớn hở, bèn đích thân ra tận ngõ môn cung kính đón rước vào nội cung, mời ngồi lên tòa làm bằng ngọc

quý, rồi đầu mặt lễ sát đất, dâng lên các món cao lương mỹ vị. Bà-la-môn ăn xong, rửa tay súc miệng, rồi nhà vua mới thừa thỉnh:

-Từ lâu đã nghe danh nhân giả là bậc Hiền đức, nay từ xa đến đây, cúi xin đại Tiên vì tôi nói pháp.

Bà-la-môn nói:

-Ta tu học bấy lâu, trải qua nhiều năm cực khổ, mà nay đại vương muốn nghe pháp liền đâu được.

Nhà vua thưa:

-Nhân giả cần dùng quốc thành, ngọc ngà, châu báu..., tôi sẽ xin cung cấp tất cả theo ý muốn.

Bà-la-môn đáp:

-Ta không cần quốc thành, vợ con, ngọc ngà, châu báu, voi ngựa... Nay đại vương, nếu có thể khoét thịt trên thân vua làm thành một ngàn ngọn đèn, nếu được vậy ta sẽ thuyết pháp cho nghe, còn không được như thế thì kinh pháp không dễ gì được nghe.

Nhà vua tự nghĩ: “Từ vô số kiếp đến nay, ta bỏ thân mạng không kể xiết, nhưng chưa có lần nào vì pháp mà bỏ thân mạng. Hôm nay vì pháp, đem thân làm đèn là việc làm hết sức vui sướng và tốt đẹp.” Nhà vua nghĩ như vậy rồi, hoan hỷ thưa với Bà-la-môn: -Theo như lời nhân giả đã dạy, tôi sẽ tuân hành, không dám trái ý.

Bà-la-môn nói:

-Nếu được vậy thì tốt lắm! Và chừng nào sẽ thực hiện?

Nhà vua lại đáp:

-Bảy ngày sau mới thực hiện.

Nhà vua bảo quần thần ra lệnh cho các chư hầu:

-Bảy ngày nữa, đại vương sẽ vì pháp mà dùng thân mình làm một ngàn ngọn đèn. Ai muốn thăm đại vương, tất cả tập hợp về kinh đô.

Quần thần nhận lệnh đại vương, đều sai sứ đi đến tám muôn bốn ngàn nước chư hầu tuyên lệnh:

-Đại vương trong bảy ngày nữa sẽ đem thân khoét thành một ngàn ngọn đèn, chư hầu thần dân ai muốn thăm đại vương thì mau mau tập hợp về đại quốc.

Tất cả vua chư hầu, dân chúng nghe được tin ấy đều hết sức ngạc nhiên, như nghe tin cha mẹ qua đời, nên buồn rầu khóc lóc, cảm động cả cõi Diêm-phù-đề. Tất cả chư hầu, thần dân đều tập trung về đại quốc.

Đại vương bảo các quan cận thân:

-Tìm một chỗ đất bằng phẳng, rộng rãi, thiết lập tòa ngai.

Quần thần phụng lệnh, tìm một chỗ đất bằng phẳng rộng rãi và thiết lập một tòa ngai.

Khi đại vương ăn uống xong, cùng chư vị phu nhân, hai ngàn thế nữ, một ngàn đại thần thứ lớp đi theo nhau. Đại vương bước lên ngai chính giữa tòa.

Các vị phu nhân, thế nữ, các vị chư hầu, quần thần, dân chúng, ở trước mặt đại vương, ai ai cũng đau lòng, đồng thanh tâu trình:

-Cúi xin đại vương đem lòng đại từ, đại bi vô lượng thương xót thân dân, vì chúng tôi, đại vương chớ đem thân đốt thành một ngàn ngọn đèn.

Đại vương nói với chư hầu, quần thần, muôn dân, phu nhân, thế nữ:

-Ta từ vô số kiếp đến nay, sinh tử trong năm đường bỏ thân vô số, nhưng chưa từng vì pháp mà xả bỏ thân mạng. Nay vì pháp khoét thân làm đèn, xin đem công đức này hồi hướng về Phật đạo, vì vô lượng chúng sinh khắp mười phương thế giới làm ánh sáng quang minh phá tan bóng tối của ba độc tham, sân, si. Khi ta thành Phật, sẽ vì các ông đem ánh sáng trí tuệ chiếu soi đoạn trừ sinh tử, mở cửa Niết-bàn để vào căn nhà an ổn là Phật pháp. Các người chớ khuyên ta thoái chuyển tâm Vô thượng đạo.

Khi ấy, tất cả chúng hội đều lặng thinh.

Rồi đại vương cầm dao đưa cho quan hầu cận, bảo khoét trên thân một ngàn chỗ để làm một ngàn ngọn đèn, thịt mọc trong thân ra mỗi lỗ sâu bằng một đồng tiền lớn, đem dầu rót vào và đặt một ngàn ngọn tim làm thành một ngàn ngọn đèn. Làm vừa xong, đại vương thưa với Bà-la-môn:

-Xin nhân giả thuyết pháp trước, rồi sau đó mới đốt đèn.

Nhưng vị Bà-la-môn vì đại vương chỉ nói vồn vẹn một bài kệ:

Đã có thì không
Đã thành thì hoại
Có hiệp có ly
Có sinh có diệt.

Đại vương nghe kệ rồi thì vui mừng không kể xiết, bảo chư thần, phu nhân, thể nữ đọc tụng ghi nhớ, liền truyền lệnh mọi người viết bài kệ dán nơi các cửa ra vào, ngã tư đường cái và những cổng làng. Lại cùng ra lệnh cho tất cả dân chúng trong đại quốc cũng chư hầu thần dân cả cõi Diêm-phù-đề đều đọc tụng.

Khi ấy đại vương thưa với Bà-la-môn:

-Giờ đây nên châm lửa đốt đèn.

Rồi vua lập lời thệ nguyện:

-Ngày nay vì pháp đem thân làm đèn, tôi không cầu ngôi vị Chuyển luân thánh vương, trên cho đến Thiên đế, Thiên vương và các thứ lạc thú vinh hiển ở đời, cũng không cầu chứng quả của Nhị thừa. Nguyện đem công đức này cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Vì tất cả chúng sinh trong năm đường làm ngọn đèn đại pháp chiếu phá các bóng tối vô minh.

Khi đại vương phát nguyện như vậy rồi, tức thì cả cõi Tam thiên đại thiên thế giới hiện đủ sáu thứ chấn động, trên cho đến cõi trời Thủ-đà-hội, tất cả cung điện đều rung rinh, khiến chư Thiên thấy hoảng sợ, không biết lý do gì khiến quả đất biến động dữ dội như vậy, liền dùng Thiên nhãn quán sát khắp cõi Diêm-phù-đề, thấy có một vị Bồ-tát vì cầu pháp nên đem thân đốt thành một ngàn ngọn đèn và phát đại nguyện. Vì lý do đó nên đại địa chấn động dữ dội.

Lúc đó, chư Thiên đồng giáng hạ xuống cõi Diêm-phù-đề, thấy rõ một ngàn ngọn đèn đang cháy sáng trên thân Bồ-tát. Vô số chư Thiên thương khóc, nước mắt như mưa. Trời Đế Thích đứng trước mặt đại vương ca ngợi:

-Lành thay! Lành thay! Do quyết cầu pháp nên không tiếc thân mạng. Đại vương làm như vậy để cầu mong việc gì?

Bồ-tát đáp:

-Tôi chẳng cầu ngôi vị Chuyển luân thánh vương, Thiên đế, Ma vương, Phạm vương và thú vui theo ngũ trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc... cũng không cầu quả Bích-chi-phật hay A-la-hán. Nguyên đem công đức này cầu quả Vô thượng Chánh chân, vì vô lượng chúng sinh khắp mười phương thế giới làm ngọn đèn trí tuệ để chiếu phá bóng tối của ba độc: tham, sân, si, khiến lìa các khổ, chúng cảnh an lạc nơi Nê-hoàn.

Trời Đế Thích lại hỏi:

-Thân đốt thành một ngàn ngọn đèn, đại vương có lấy làm đau khổ, sinh tâm hối hận chăng?

Vua đáp:

-Không lấy làm đau khổ, cũng không sinh tâm hối hận.

Thiên đế lại hỏi:

-Đại vương không sinh tâm hối hận, lấy gì làm bằng chứng.

Vua liền lập lời thề:

-Ta ngày nay vì cầu pháp, đem thân làm thành một ngàn ngọn đèn, nguyên đem công đức này hồi hướng về đạo quả Vô thượng Chánh chân. Như quả thật thành Phật thì xin những vết khoét của một ngàn ngọn đèn này trong tức khắc được lành, thân liền bình phục không còn vết sẹo.

Đại vương phát lời thề nguyện ấy rồi, thì toàn thân liền bình phục như cũ, không còn một vết sẹo nào, lại đoan nghiêm tốt đẹp lạ thường, vượt hơn thân hình lúc trước. Bấy giờ trời Đế Thích cùng vô số chư Thiên, các vua chư hầu, quần thần, phu nhân, thể nữ, vô lượng thứ dân đồng thanh ca ngợi: -Lành thay! Lành thay! Thật chưa từng có!

Tất cả đều vô cùng hoan hỷ, cùng vâng lời tu hành mười điều lành.

Đức Phật bảo:

-Đại vương lúc ấy là thân Ta ngày nay, Bà-la-môn lúc ấy nay là Điều-đạt.

Bồ-tát cầu pháp tu tập trí tuệ luôn tinh tấn như vậy.

* *

*

KINH BỒ TÁT BẢN HẠNH

Hán dịch: Mất tên người dịch - Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn

Việt dịch: Linh-Son Pháp Bảo Đại Tạng Kinh



QUYỀN TRUNG

Thuở xưa, khi Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, có một Hiền giả tên là Tu-đạt, nhà cửa đơn sơ nghèo khó, không có tài sản, nhưng lại hết lòng sùng kính đạo đức. Ông đi đến tinh xá, đầu mặt đánh lễ sát chân Đức Phật, rồi lui ra ngồi một bên nghe Đức Phật thuyết pháp.

Đức Phật hỏi:

-Này Tu-đạt, người tại gia nên bố thí hay không nên bố thí?

Tu-đạt bạch Phật:

-Người tại gia nên bố thí.

Và hỏi:

-Thế nào là bố thí nhiều? Thế nào là bố thí ít? Thế nào là có tâm lành bố thí? Thế nào là không có tâm lành bố thí?

Đức Phật bảo Tu-đạt:

-Xét về việc bố thí, có khi bố thí nhiều mà được phước báo ít. Có khi bố thí ít mà được phước báo nhiều.

Tu-đạt hỏi:

-Tại sao bố thí nhiều mà được phước báo ít?

Đức Phật đáp:

-Tuy bố thí nhiều mà tâm không chí thành, tâm không cung kính, không sinh tâm đại hoan hỷ, mà tâm đem tâm ngã mạn tự đại để bố thí. Người bố thí như vậy lòng tin không chánh đáng, nhận thức sai lầm, chẳng phải là chánh kiến. Đó không phải là sự bố thí của bậc Thượng sĩ, nên bố thí tuy nhiều mà phước báo rất ít. Ví như canh tác trong một đám ruộng xấu, gieo trồng tuy nhiều, kỳ thật thu hoạch hoa lợi chẳng được bao nhiêu.

Tu-đạt hỏi:

-Tại sao bồ thí ít mà được phước báo nhiều?

Đức Phật đáp:

-Tuy bồ thí ít, nhưng đem tâm hoan hỷ bồ thí, đem tâm thanh tịnh bồ thí, đem tâm cung kính bồ thí, bồ thí không có tâm cầu được báo ân. Người bồ thí như vậy mới là sự bồ thí của bậc Thượng nhân. Sự bồ thí cho Như Lai, Bích-chi-phật và bốn quả Sa-môn là bậc Chánh kiến, nên bồ thí tuy ít mà được phước báo nhiều. Ví như đám ruộng phì nhiêu, gieo giống tuy ít mà thật ra thu hoa lợi rất nhiều.

Đức Phật bảo Tu-đạt:

-Ta nhớ thuở quá khứ, ở tại cõi Diêm-phù-đề này, có một vị Chuyển luân thánh vương tên là Ba-đà-bạt-ninh, nhà vua có một ngàn người con, trị vì tám muôn bốn ngàn nước nhỏ trong bốn châu thiên hạ.

Lúc đó, có một vị Bà-la-môn tên là Tỳ-lam, thân màu vàng, dung mạo đoan nghiêm, trí tuệ thông minh vượt bậc, có phương pháp trấn áp khi trời đất chuyển biến, trên thông thiên văn, dưới giỏi địa lý, trong nhân gian lại rành về tâm lý của con người. Tất cả sách vở kinh điển nơi thế gian đều thông đạt. Là người đầy lòng nhân từ, thương xót tất cả mọi người, nên nhà vua rất kính mến. Tám vạn bốn ngàn vua chư hầu và tất cả dân chúng đều cung kính tôn thờ là bậc thầy tối thượng.

Đại sĩ Tỳ-lam được coi như là đại vương, chẳng phải Ba-đà-bạt-ninh. Vì sao vậy? Vì Chuyển luân vương Ba-đà-bạt-ninh trong mọi việc trị nước an dân đều hỏi Tỳ-lam. Đại sư Tỳ-lam nhân đó mà giáo hóa. Chư hầu, thần dân ai nấy đều hết sức hoan hỷ.

Bấy giờ, đại vương theo Tỳ-lam thừa học kinh điển, lại cũng khuyến bảo tám vạn bốn ngàn vua tiểu quốc cùng quần thần, thái tử và tất cả dân chúng, ai ai cũng phải theo Tỳ-lam cầu học kinh điển để phát sinh trí tuệ.

Các vua, thần dân không ai là không vui vẻ theo Tỳ-lam học hỏi kinh điển. Họ đều nói: “Đây là vị Phạm thiên đến giáo hóa chúng ta làm những việc tốt đẹp, không phải là người thường.” Trong lúc đó, tám vạn bốn ngàn tiểu vương thọ học, trí tuệ được khai ngộ, tất cả đều rất đổi vui mừng.

Tám vạn bốn ngàn tiểu vương ấy đem theo một con voi trắng, một con ngựa hay, một con bò lớn, tất cả đều được trang sức với dây băng

vàng, bằng bạc. Ngoài ra còn đem theo một ngọc nữ hình dung đoan chánh tuyệt vời, lại dùng chuỗi anh lạc bằng thất bảo trang sức đẹp để lạ thường, một bát bằng vàng đựng đầy lúa bạc, bát bằng bạc đựng đầy lúa vàng, bát lưu ly đựng đầy lúa vàng, bát bằng pha lê đựng đầy lúa vàng, dùng vàng làm xe, dùng bảy báu trang sức... Mỗi tiểu vương đều như vậy, tổng cộng mỗi thứ gồm tám vạn bốn ngàn cũng đem hiến dâng cho đại sư Tỳ-lam.

Đại vương Ba-đà-bạt-ninh nghe các tiểu vương hiến cúng cho Tỳ-lam như vậy, thì vui mừng không kể xiết và thầm nghĩ: “Ta cũng hiến cúng cho đại sư Tỳ-lam tài sản quý báu như vậy”. Tức thời đem đồ phục sức bằng thất bảo, châu báu, chuỗi anh lạc đẹp để lạ thường trang điểm cho tám ngàn ngọc nữ, dùng toàn dây bằng vàng trang sức cho tám vạn bốn ngàn con bạch tượng, cũng dùng dây bằng vàng bạc trang điểm cho tám vạn bốn ngàn con ngựa, dùng dây toàn bằng vàng trang điểm cho tám vạn bốn ngàn con bò, tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy lúa gạo, tám vạn bốn ngàn bát bằng lưu ly đựng đầy lúa vàng, tám vạn bốn ngàn cỗ xe dùng toàn bằng vàng trang điểm... Đại vương đem tất cả những thứ đó hiến cúng cho Tỳ-lam.

Đại sư Tỳ-lam nhận lãnh rồi, tự nghĩ rằng tất cả tài sản mình có được như: châu báu, voi, ngựa, xe cộ... này, tất cả đều là vô thường, không có gì bền chắc. Rồi tâu với đại vương:

-Tất cả tài sản mà tôi có được đều thuộc pháp vô thường lần lần bị tiêu diệt. Tôi không dùng nó, ý muốn đem giúp đỡ những kẻ nghèo khổ.

Đại vương nghe lời này trong lòng rất phấn khởi, liền ra lệnh cho quân thân đánh trống truyền khắp cõi Diêm-phù-đề: “Những người nghèo cùng, cô cút, già cả đơn độc, những vị Bà-la-môn Phạm chí, tất cả đều hội về”.

Đại sư Tỳ-lam liền lập một đàn chẩn thí lớn, dân chúng nghe lệnh rùng rùng kéo nhau tụ tập. Già trẻ khỏe yếu dìu dắt lẫn nhau tề tựu đông đúc.

Lúc ấy, Tỳ-lam muốn rửa tay theo phép Bà-la-môn, nhưng nghiêng, bình mà nước chẳng chảy ra nên rất lo buồn, thầm nghĩ: “Ta nay thiết lập đại lễ không biết có lỗi lầm gì chẳng? Ý chẳng thanh tịnh, hay vật bô thí chẳng phải đồ tốt? Do duyên có gì mà nước chẳng chảy?”

Lúc đó, chư Thiên ở trên hư không nói với Tỳ-lam:

-Việc bố thí của ông ngày hôm nay hết sức tốt đẹp không ai sánh bằng! Tâm ông thanh tịnh không chút ô nhiễm, công đức của ông là bậc nhất, trong thiên hạ không ai vượt lên trên được. Chỉ có người thọ thí, tất cả đều là những hạng người có tà kiến giả dối điên đảo, chẳng phải là bậc Thượng sĩ thanh cao, nên không thể lãnh thọ của cải bố thí với sự rửa tay cung kính của ông. Vì lý do đó, mà nước trong bình không chảy ra.

Tỳ-lam nghe chư Thiên nói như thế, ý ông khai ngộ, liền phát khởi thệ nguyện: “Nguyện đem công đức bố thí ngày hôm nay, cầu thành đạo Vô thượng Chánh chân. Nếu đúng như lời nguyện này, thì khiến rót nước sẽ chảy vào bàn tay tôi!”.

Phát lời thệ nguyện rồi, liền nghiêng bình rót nước, tức thời nước chảy ra rơi vào bàn tay Tỳ-lam.

Chư Thiên ở trên hư không ca ngợi:

-Hay thay! Hay thay! Đúng như sở nguyện, chẳng bao lâu ông sẽ thành Phật.

Lúc ấy, Đại sư Tỳ-lam bố thí áo quần, mừng mền, thực phẩm... theo nhu cầu của tất cả những người nghèo cùng. Trong mười hai năm như vậy, tất cả ngọc nữ, voi, ngựa, châu báu đều dùng vào việc bố thí, không còn cất giữ một vật gì.

Đức Phật bảo Tu-đạt:

-Bà-la-môn Tỳ-lam lúc ấy là thân Ta ngày nay. Lúc ấy Ta bố thí với tâm lành, vật bố thí cũng tốt đẹp, chỉ có kẻ thọ thí là tâm họ không thanh tịnh, nên tuy vật bố thí nhiều mà thọ phước báo rất ít.

Còn ngày nay đệ tử chân chánh, ở trong giáo pháp chân thật nhiệm mầu thanh tịnh của Ta làm việc bố thí, thì vật bố thí tuy ít mà thọ hưởng phước báo rất nhiều.

Đối với công đức bố thí của Tỳ-lam trong mười hai năm như vậy, cùng với mọi công đức bố thí cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề, gồm hai công đức này lại không bằng công đức cúng dường cho một vị Tu-đà-hoàn. Công đức này rất nhiều, vượt hơn phước đức trước.

Dầu cúng dường cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước đức có được do sự cúng dường và bố thí đó, không bằng cúng

dường cho một vị Tư-đà-hàm. Phước đức này rất nhiều, vượt hơn phước đức trước.

Giả sử như cúng dường cho một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị Tu-đà-hoàn, cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước đức có được do sự cúng dường và bố thí đó không bằng cúng dường cho một vị A-na-hàm. Phước đức này nhiều gấp bội phước đức trước.

Ví dầu cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị Tu-đà-hoàn, cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước báo có được do sự cúng dường và bố thí đó không bằng cúng dường cho một vị A-la-hán. Phước đức này rất nhiều, vượt hẳn phước đức trước.

Giả sử cúng dường cho một trăm vị A-la-hán, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị Tu-đà-hoàn cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì công đức có được do sự cúng dường và bố thí ấy không bằng cúng dường cho một vị Bích-chi-phật. Phước đức này rất nhiều, vượt hơn phước đức trước.

Giả sử cúng dường cho một trăm vị Bích-chi-phật, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị Tu-đà-hoàn cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước đức có được do sự cúng dường và bố thí đó không bằng xây tháp, cất nhà cho chúng Tăng, lập tinh xá, cúng dường áo, mền, giường nằm, đồ ăn uống. Cung cấp sự cần dùng cho chư Tăng, Sa-môn, Đạo sĩ khắp bốn phương, cả ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Gồm những công đức này thì vượt hẳn những công đức trước.

Tuy xây tháp, cất nhà cho chúng Tăng, lập tinh xá như trên, cùng với sự cúng dường Bích-chi-phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì phước đức do sự cúng dường và bố thí đó không bằng cúng dường cho một Đức Phật. Công đức của sự cúng dường cho một Đức Phật rất nhiều, không thể kể xiết.

Tuy cúng dường Đức Phật, xây tháp cất nhà cho chúng Tăng, lập tinh xá, cúng dường Bích-chi-phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn cộng với sự bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, thì bao nhiêu công đức của sự cúng dường và bố thí đó, không bằng có người ở trong một ngày thọ ba pháp tự quy y

và bát quan trai giới. Nếu giữ được năm giới sẽ có công đức vượt hơn công đức cúng dường và bố thí vừa kể trên, gấp trăm ngàn lần không thể ví dụ.

Lại đem công đức trì giới này hiệp với tất cả công đức cúng dường Đức Phật, Bích-chi-phật, bốn quả Sa-môn cộng với phước đức bố thí của Tỳ-lam cho tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề nói ở trước, không bằng một người tọa thiền với tâm từ bi nghĩ đến chúng sinh trong chùng một bữa ăn cũng được công đức vượt hơn công đức bố thí của Tỳ-lam đối với tất cả dân chúng trong cõi Diêm-phù-đề và sự cúng dường bốn quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật, xây tháp, cất nhà cho chúng Tăng, cho đến cúng dường Đức Phật đã nói ở trước, hơn gấp trăm lần.

Bao nhiêu công đức trì giới, tọa thiền với tâm từ bi nghĩ đến chúng sinh, không bằng công đức nghe pháp, ghi nhớ trong tâm, tư duy về bốn đế lý, biết các pháp vô thường, khổ không, vô ngã, để chúng cảnh giới Niết-bàn tịch diệt. Đem công đức này so với tất cả công đức của những việc làm ở trước, thì công đức này là to lớn bậc nhất, không có một công đức nào vượt hơn được.

Lúc ấy, Tu-đạt nghe pháp, hết sức vui mừng, thân tâm thanh tịnh, chứng quả A-na-hàm, trong mình chỉ còn có năm đồng tiền vàng, mỗi ngày đem một đồng cúng cho Đức Phật, một đồng cúng cho Pháp, một đồng cúng cho chúng Tăng, một đồng tự ăn còn một đồng làm vốn. Ngày nào cũng như vậy, rốt cuộc trong mình lúc nào cũng còn lại một đồng không bao giờ hết.

Tu-đạt thọ năm giới cấm, quỳ mọp bạch Đức Phật:

-Ngày nay tâm ái dục của con đã dứt hẳn, sống tại gia con nên làm những việc gì?

Đức Phật bảo:

-Này Tu-đạt, như ông ngày nay tâm ý đã được thanh tịnh, ái dục lại không phát sinh, ông trở về nhà bảo các người vợ của ông: “Ta nay tâm ái dục đã diệt, các người tùy theo chỗ nào mình ưa thích, ai cần có chồng tùy ý theo nơi nào mình muốn. Nếu còn ở lại đây, ta sẽ cung cấp cơm ăn áo mặc”.

Tu-đạt vâng lời Phật dạy, lễ Phật rồi lui về nhà bảo các người vợ:

-Ta nay tâm ái dục đã diệt sạch, vĩnh viễn không còn tái sinh, không còn làm việc dâm dục. Các người nếu muốn tạo lập cuộc đời mới, thì mỗi

người tùy ý chọn nơi nào mình ưa thích, còn ai muốn ở lại đây, ta sẽ cung cấp áo cơm đầy đủ.

Các người vợ Tu-đạt đều tùy theo ý nơi mình ưa thích để lập gia đình. Lúc ấy, có một người vợ đang sảy gạo xay bột, bỗng có đàn dê húc nhai ừa vào mang đồ gạo sây, nàng ta tức giận không biết tính sao, liền cầm cây củi đang cháy đánh bầy dê kia. Đầu cây củi có lửa chạm nhằm lông nơi cổ con dê, lông dê gặp lửa bốc cháy và cháy luôn cả voi nhà vua, thân voi da bị cháy rụi, nên phải giết khi, vượn lấy da đắp vào thân voi.

Khi đó, chư Thiên ở trên hư không nói kệ:

Sân hận gốc tranh giành

Chẳng nên cùng nó sống

Bầy dê húc lộn nhau

Trong đó mòng muỗi chết.

Tỳ nữ ngăn dê húc

Vượn khi chết vô có

Người trí lìa hiềm nghi

Chớ cùng người ngu sống.

Vua Ba-tư-nặc vì vậy bảo quần thần ra lệnh hạn chế việc đốt lửa.
Lệnh rằng:

-Từ nay trở đi, ban đêm dân chúng không được đốt lửa và thắp đèn đuốc, kẻ nào vi phạm phạt một ngàn lượng vàng.

Bấy giờ Tu-đạt tu tập đạo pháp ở tại nhà ngày đêm tọa thiền. Đầu hôm khi nhập định thì thắp đèn thiền tọa, nửa đêm dừng nghĩ, đến gà gáy lại thắp đèn thiền tọa. Quân canh tuần bắt gặp, thâu lấy đèn và giải ông ta về triều, tâu lên chúa thượng, bắt phải phạt.

Tu-đạt tâu với đại vương:

-Nhà tôi nghèo khó, ngày nay tài sản không được một trăm tiền, biết lấy gì nộp phạt cho đại vương.

Nhà vua nghe nói, thì tức giận, nên sai lính đem nhốt trong ngục kín. Tức thời quân lính giải Tu-đạt giao cho quản ngục giam giữ.

Đêm đó, Tứ Thiên vương thấy Tu-đạt bị giam giữ trong ngục, nên đầu hôm hiện đến, thưa với Tu-đạt.

-Tôi sẽ cúng ông số tiền dùng vào việc nạp phạt cho nhà vua, để được thả ra.

Tu-đạt đáp:

-Nhà vua sẽ tự ý hoan hỷ thả ta ra, chẳng cần phải dùng tiền bạc.

Tu-đạt vì Tứ Thiên vương thuyết pháp. Tứ Thiên vương nghe pháp xong liền lui về. Tới nửa đêm Thiên đế Thích lại đến. Tu-đạt lại thuyết pháp. Đế Thích nghe xong liền lui về. Cuối nửa đêm, lại có Phạm thiên đến yết kiến Tu-đạt. Tu-đạt vì Phạm thiên mà thuyết pháp, Phạm thiên nghe xong liền lui về.

Nhà vua đêm ấy quán sát nhìn thấy ở trên lao ngục có ánh lửa xuất hiện. Sáng hôm sau nhà vua sai người nói với Tu-đạt:

-Ông đốt lửa nên bị giam, không biết hổ xấu lại còn tiếp tục đốt lửa?

Tu-đạt trả lời:

-Ta không đốt lửa, nếu như ta đốt lửa thì nơi chỗ này sẽ có khói tro.

Người kia lại hỏi Tu-đạt:

-Đầu hôm có bốn ngọn lửa, đến nửa đêm lại có một ngọn lửa lớn gấp bội phần ngọn lửa trước. Rồi cuối đêm có ngọn lửa lớn gấp bội phần ngọn lửa hồi nửa đêm. Ông nói không đốt lửa thì những thứ đó là gì?

Tu-đạt đáp:

-Đó không phải là lửa. Đầu hôm có bốn vị Thiên vương đến yết kiến ta. Nửa đêm thì vị Thiên đế thứ hai đến thăm ta và cuối đêm là vị Phạm thiên thứ bảy đến thăm ta. Đó là ánh sáng trên thân của chư Thiên chiếu ra, chẳng phải là lửa.

Người này nghe nói như vậy, liền về tâu lại đại vương. Nhà vua nghe qua lòng rất kinh hãi chân lông đều dựng ngược, nói: “Người này có phước đức đặc biệt nên mới được như vậy. Ta nay tại sao lại hủy nhục vị ấy!”

Liên bảo kẻ hầu cận:

-Mau mau thả người này ra, không được dằn dụa.

Lính được lệnh liền đến thả Tu-đạt. Tu-đạt được thả ra bèn đi đến tinh xá, đầu mặt lễ sát đất, rồi lui ra ngồi một bên nghe Đức Phật thuyết pháp.

Vua Ba-tư-nặc cũng lập tức ngự giá tới tinh xá. Dân chúng trong pháp hội thấy nhà vua đi đến đều đứng dậy thủ lễ, chỉ còn Tu-đạt vì tâm đang say sưa trong hương vị Phật pháp nên thấy nhà vua đến mà không đứng dậy. Nhà vua trong tâm hơi ngậm giận, nghĩ rằng người này là dân của ta mà mang tánh khinh mạn, thấy ta không chịu đứng dậy. Nhà vua càng nghĩ càng tức giận.

Đức Phật biết được ý của vua Ba-tư-nặc, nên ngừng thuyết pháp.

Đại vương bạch Phật:

-Nguyện mong Đức Phật giảng kinh pháp.

Đức Phật bảo đại vương:

-Nay không phải thời vì nhà vua mà thuyết pháp.

Đại vương hỏi:

-Vì sao chẳng phải thời?

Đức Phật đáp:

-Vua nay tâm sân hận uất kết chưa nguôi, cũng như khởi tâm ái dục đam mê nữ sắc, tâm kiêu mạn tự thị, tâm tự đại không cung kính. Dem những tâm cấu uế như vậy để nghe diệu pháp thì không thể nào lãnh thọ được. Vì lý do đó, nên nay không phải đúng thời vì nhà vua thuyết pháp.

Vua Ba-tư-nặc nghe Đức Phật nói như vậy, trong lòng tự nghĩ: “Do người đang ngồi này mà nay khiến ta bị hai việc thiệt hại: một là sinh tâm sân hận, hai là không được nghe Phật pháp”. Nghĩ như thế rồi nhà vua đánh lễ Phật lui về. Nhà vua ra đến bên ngoài tinh xá nói với quan cận thân:

-Người ngồi đó nếu ra khỏi nơi đây ta sẽ chặt đầu. Ngay khi nhà vua vừa dứt lời, tức thì bốn phía các loài thú dữ như hổ, sói... ùa ra bao vây.

Nhà vua thấy vậy nên hết sức sợ hãi, bèn quay trở lại giảng đường nơi Đức Phật đang thuyết pháp.

Đức Phật hỏi:

-Vì có gì đại vương trở lại đây?

Vua bạch:

-Con thấy thú dữ ủa ra bao vây như vậy nên trở lại đây.

Đức Phật nói:

-Nhà vua có biết người ngồi này là ai không?

Vua thưa:

-Không biết.

Đức Phật lại bảo:

-Người này đã chứng đạo quả A-na-hàm. Có gì nhà vua bỗng sinh ác ý với ông ta! Đó là lý do khiến nhà vua gặp sự khủng bố. Nếu không trở lại, nhà vua sẽ bị tai họa quyết không thể nào cứu được.

Vua nghe lời Đức Phật dạy lòng rất sợ sệt, liền hướng về Tu-đạt làm lễ sám hối bằng cách trải tấm da dê, ở trước chỗ Tu-đạt. Nhà vua khiêm tốn thành thật trình bày:

-Hiền giả là thần dân của tôi, mà nay tôi hướng về Hiền giả khuất phục, nhẫn nhục, đó là điều thật khó làm.

Tu-đạt lại nói rằng:

-Ta thật nghèo thiếu mà làm việc bố thí, lại cũng là việc rất khó làm.

Trong pháp hội có người tên là Thi-la Sur Chát tự nói:

-Ở trong nước, tôi là người công bình, chánh trực, khi bị giặc bắt dẫn đi, tướng giặc bảo tôi nói thế này: “Nói không thấy ta, thì ta sẽ thả ông ra. Không nói lời như vậy, ta sẽ giết ông”. Ta tự nghĩ: “Ta nay nói lời không thật tức là làm việc phi pháp, sẽ đọa vào địa ngục, ai là người sẽ cứu vớt ta?”. Suy nghĩ như thế rồi, liền trả lời với tướng giặc: “Thà người chặt đầu ta, ta không bao giờ phạm tội vọng ngữ”. Tướng giặc nghe nói liền

thả ra, nên khỏi nguy hại. Không phạm vọng ngữ, thuận theo chánh pháp thật là việc làm rất khó.

Lại trong pháp hội có một vị Thiên tên là Thi-ca-lê tự nói:

-Khi ta thọ bát quan trai giới, nằm một mình ở trên lầu cao, có một ngọc nữ ở cõi trời đến chỗ ta nằm. Ta vì giới cấm mà không thọ sắc dục với nàng, đó là việc rất khó giữ.

Bốn người ở trước Đức Phật đều nói về chỗ khó làm của mình rồi, Đức Phật đọc bài tụng:

Nghèo cùng bổ thí khó
Hào quý nhẫn nhục khó
Nguy hiểm giữ giới khó
Tráng niên bỏ dục khó.

Đức Phật nói kệ xong, lại giảng tiếp kinh pháp. Nhà vua, thần dân đều rất hoan hỷ, lễ Phật lui về.

* *

*

Nghe như vậy:

Một thưở nọ Đức Thế Tôn trụ tại tinh xá Trúc lâm bên cạnh thành Vương xá.

Tại làng Ưu-liên có một dòng suối, trong suối có một con rồng độc tên là Toan-đà-lê hết sức hung dữ, thường gây ra những trận mưa đá, tuyết, phá hoại năm thứ lúa gạo hoa màu, khiến mùa màng thất thu, dân chúng đói khát.

Lúc đó, có một vị Bà-la-môn dùng thần chú ngăn chặn rồng độc nên mưa đá không xuất hiện, trong mấy năm ấy mùa màng thuận hợp, ngũ cốc dồi dào. Chẳng bao lâu, vị Bà-la-môn này già yếu, lụm cùm không đọc thần chú được nữa.

Khi ấy, lại có một vị Bà-la-môn trẻ tuổi thông hiểu chú thuật, cất tiếng tụng chú, khiến mây mù tan biến, nạn mưa đá chấm dứt, mùa màng tươi tốt, dân chúng hết sức vui mừng. Họ mời vị Bà-la-môn này ở ngay nơi làng, dân làng sẽ đóng góp, cung cấp không thiếu một vật gì.

Bà-la-môn nói:

-Ta có thể ở lại đây, các ông phải luôn luôn cùng nhau đóng góp.

Dân chúng chung nhau dâng cúng các vật dùng cho Bà-la-môn luôn đầy đủ. Nhưng từ ngày Đức Phật du hóa, hồng dương chánh pháp đến nước này, dân chúng lớn nhỏ đều thọ giáo, người đăc đạo rất nhiều. Tất cả loài Rồng, Quỷ, Thần đều làm việc thiện, không còn nhiều hại, mưa thuận gió hòa, năm thứ lúa thóc hoa màu đầy đầy, nhưng dân làng không còn cung cấp theo nhu cầu cho vị Bà-la-môn nữa. Bà-la-môn này đến đòi hỏi dân chúng, dân cư trong làng đã không cung cấp, lại còn mắng nhiếc, nên Bà-la-môn nổi tâm sân hận, nói:

-Các người nhờ ân lực của ta nên mới no nê đầy đủ, đã chẳng cung cấp lại còn mắng nhiếc ta, ta sẽ tiêu diệt cả dân chúng và đất nước này.

Bà-la-môn lại hỏi các người trong làng:

-Muôn đạt được sở nguyện thì phải làm gì?

Dân làng trả lời:

-Cúng dường thức ăn cho bốn vị đại đệ tử của Đức Phật, sẽ được toại nguyện.

Bà-la-môn lập tức bày biện trai diên, cúng thỉnh vị Tôn giả là Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và A-na-luật đến cúng dường. Khi bốn vị Tôn giả đang thọ trai, Bà-la-môn chí tâm đánh lễ, bày tỏ sở nguyện của mình: “Tôi nay đem công đức cúng dường này nguyện thành con rồng độc, hết sức mạnh mẽ để tiêu diệt đất nước này, xin cho tôi quyết được toại nguyện.”

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất dùng đạo nhãn quan sát tâm ý của thí chủ Bà-la-môn cầu nguyện những gì, biết rõ tâm ý của người ấy mong cầu trở thành rồng độc để tiêu diệt cả đất nước này, nên bảo:

-Ông chớ nên phát nguyện làm thân rồng rắn độc ác! Nếu muốn cầu là Chuyển luân thánh vương, hoặc Thiên đế Thích, Ma vương, Phạm vương... tất cả đều có thể được. Chớ nên dùng loại thân độc ác ấy làm gì. Sở nguyện đó không tốt.

Bà-la-môn đáp lại lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

-Tôi quyết cầu cho được nguyện này, đây là điều ước mong duy nhất, ngoài ra không nguyện cầu gì khác.

Lúc ấy, Bà-la-môn giơ năm ngón tay lên, nước liền từ đó chảy ra. Tôn giả Xá-lợi-phất chứng kiến lòng kiên quyết của Bà-la-môn, nên chỉ còn biết im lặng. Vị Bà-la-môn ấy cùng vợ và hai con đều phát nguyện làm rồng.

Sau khi ông ta chết liền đầu thai làm thân rồng có thần lực lớn, lại rất độc ác, liền đến giết rồng Toan-đà-lê và đoạt chỗ ở. Rồi nổi phong ba bão chướng trút một trận mưa đá tuyết dữ dội, khiến bao thứ lúa thóc hoa màu đều bị thiệt hại, chỉ còn những nắm rạ hoặc thân lá xơ xác. Do đó người ta đặt tên rồng này là A-ba-la-lợi, vợ rồng tên là Tỳ-thọ-ni. Rồng có hai con cùng một tên là Cơ-thiện-ni. Trong thời gian này dân chúng cơ cực, chết đói rất nhiều, lại thêm bệnh tật khiến người bỏ mạng cũng vô số.

Khi ấy, vua A-xà-thế đi đến tinh xá, đánh lễ Đức Phật, đầu mặt sát đất, quỳ mọp thưa:

-Dân chúng nơi nước con bị rồng độc và dịch bệnh gây tai vạ đau thương, người chết vô số. Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng đại Từ đại Bi thương xót tất cả chúng sinh, mong được sự cứu giúp, trừ diệt tai hại.

Đức Phật liền nhận lời. Tờ mờ sáng hôm sau Đức Thế Tôn đắp y mang bình bát vào thành khát thực, rồi đến bên bờ dòng suối có rồng độc ngồi thọ trai, xong xuôi thì rửa bát, trút nước rửa bát ấy xuống dòng suối. Rồng rất tức giận, liền xuất hiện trên mặt nước, phun độc khí và hà lửa vào mình Đức Phật. Trên thân Đức Phật lại phun ra nước tiêu diệt lửa và khí độc. Rồng lại ở trên hư không mưa tuôn đá tuyết, thì đá tuyết ấy lại biến thành hoa trời. Rồng lại mưa bằng những tảng đá lớn, thì đá này lại biến thành ngọc quý và đồ trang sức. Rồng lại tuôn mưa đao kiếm tức thì đao kiếm biến thành bảy thứ châu báu. Rồng lại hóa làm quỷ La-sát, Đức Phật lại hiện làm Tỳ-sa-môn vương, La-sát bị tiêu diệt. Rồng lại biến thành con voi khổng lồ, vòi cuộn lấy kiếm nhọn, Đức Phật lại hiện ra hình sư tử chúa khiến voi liền biến mất. Rồng lại hiện chính thân mình, Đức Phật bèn hiện làm chim đại bàng cánh vàng, rồng liền chạy trốn.

Rồng đem hết thần lực mà không thể hại được Đức Phật, liền chui trốn vào trong dòng suối, lúc ấy lực sĩ Mật Tích cầm chày kim cương đập núi, núi vỡ một nửa, lấp dòng suối, rồng muốn chạy thoát, Đức Phật liền biến tất cả nước trong dòng suối thành đám lửa lớn, rồng vội vã vụt chạy, Đức Phật bèn dùng bàn giẫm lên đầu rồng, rồng không thể đi được, mới quy phục, nên quỳ mọp bạch Phật:

-Ngày nay con chỉ thấy việc làm của mình toàn là cảnh đau khổ, khốc liệt.

Đức Phật hỏi:

-Tại sao ngươi ôm lòng độc ác, gây bao khổ não cho chúng sinh?

Rồng liền cung kính đánh lễ, đầu mặt lạy sát chân Phật, quỳ mọp, bạch:

-Mong Phật cho con được thả ra, bất cứ Thế Tôn dạy điều gì, con đều vâng lãnh.

Đức Phật bảo:

-Ngươi nên thọ giới cấm, làm người cận sự nam.

Rồng và vợ con thấy đều thọ năm giới cấm, làm người hộ pháp tại gia, trở thành người nhân từ, làm các điều lành, lại không bao giờ mưa tuyết nữa.

Bấy giờ, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, lúa gạo đầy đầy, các loài quý dữ gây bệnh tật đều chạy về nước Tỳ-xá-ly. Dân chúng nước Ma-kiệt-đà có đời sống vật chất đầy đủ, các thứ bệnh dịch đều được tiêu trừ, hưởng cảnh an lạc.

Lúc ấy, dân chúng nước Tỳ-xá-ly lại bị tật bệnh, người chết rất nhiều. Nghe Phật ở nước Ma-kiệt-đà đã hàng phục độc long, bệnh dịch được tiêu diệt, vua nước Tỳ-xá-ly liền sai sứ đến tinh xá Trúc lâm, thỉnh Phật.

Sứ giả đến nơi, tiến tới trước Đức Phật cung kính đánh lễ sát chân, quỳ mọp thưa:

Nhà vua dốc lòng cho con đến đánh lễ vấn an Đức Như Lai là Bạc Đại Thánh. Nước con đang bị bệnh dịch khiến người chết rất nhiều, cúi mong Đức Thế Tôn rủ lòng đại từ thương xót, giáng lâm che chở cho nước chúng con, tuy nhọc đến uy quang nhưng cũng mong cho muôn dân được cứu vớt.

Hai nước Tỳ-xá-ly và Ma-kiệt-đà vốn có mối thù xưa, nên vua A-xà-thế nghe nước Tỳ-xá-ly đang bị bệnh dịch hoành hành, trong lòng lấy làm thích thú.

Bấy giờ, Đức Phật bảo sứ giả nước Tỳ-xá-ly:

-Trước Ta đã nhận lời mời của vua A-xà-thế ở đây chín mươi ngày, nay chưa mãn hạn, ông phải đích thân đến thỉnh ý đại vương A-xà-thế.

Sứ giả bạch Phật:

-Thưa Thế Tôn, vốn hai nước có mối thù xưa, nếu nay con đến đó chắc chắn sẽ bị giết.

Đức Phật báo sứ giả:

-Ông nay làm sứ giả cho Ta, chắc chắn sẽ không có ai giết ông đâu.

Đức Phật lại báo sứ giả đến đó nói như thế này:

-Vua A-xà-thế đã tạo tội đại nghịch là giết cha, do hướng về Như Lai sám hối sửa đổi, nên tội bị đọa vào địa ngục, một ngày bằng năm trăm ngày trên dương thế của nhà vua, nay đã thoát khỏi.

Sứ giả nhận chỉ giáo liền đi đến cửa thành Vương xá Vua A-xà-thế và quần thần nghe có sứ giả của nước Tỳ-xá-ly đã đến ngoài cửa thành thì ai nấy đều nổi giận cùng nhau bàn tính là sẽ chặt đầu, xẻo tai, xẻo mũi cùng nghiền nát thân xác người này thành tro bụi.

Sứ giả nước Tỳ-xá-ly đến trước bệ rồng, cất to tiếng kêu:

-Tôi được Đức Như Lai sai đến gặp đại vương.

Nhà vua và quần thần nghe nói là sứ giả của Đức Thế Tôn nên tất cả đều vui mừng. Đại vương hỏi sứ giả:

-Đức Thế Tôn sai người đến đây có dạy bảo ta điều gì chăng?

Sứ giả thưa:

-Đức Phật bảo cho đại vương biết, tội ác nghịch giết cha của đại vương, do hướng về Đức Như Lai sám hối, nên tội bị đọa vào địa ngục trong một ngày bằng năm trăm ngày trên thế gian của đại vương nay đã thoát khỏi. Phật dạy đại vương cần phải tự cải bỏ những lỗi lầm trong quá khứ, không được tái phạm trong vị lai, chớ nên sâu muộn.

Nhà vua nghe nói như vậy, không sao kiềm chế được nổi vui mừng, liền xoa mặt từ xa trông về hướng Đức Phật, cúi đầu đánh lễ, bạch:

-Con đã tạo tội nghịch ác phải ở trong địa ngục, nay được ra khỏi.

Rồi nhà vua quay lại nói với sứ giả:

-Nay nhà ngươi vì ta đem đến tin vui này thật không sao diễn tả hết! Tùy ngươi muốn những gì ta sẽ ban cho.

Sứ giả tâu:

-Nước Tỳ-xá-ly của chúng tôi đang có tật dịch hoành hành, muốn cung thỉnh Đức Thế Tôn quang lâm đến để cả nước được nhờ ân tế độ. Cúi mong đại vương vui lòng để Đức Phật ra đi.

Nhà vua liền tùy hỷ và bảo sứ giả:

-Ngươi trở về tâu với vua của nhà ngươi: Ta từ cửa thành cho đến bên sông Hằng, lo tu bổ đường sá, dùng hoa rải trên mặt đường, hai bên bờ phướn thẳng hàng tới bờ sông, quân lính cả nước đứng hầu, tiễn đưa Đức Phật đến tận bên sông. Nước ông cũng phải từ thành Tỳ-xá-ly cho đến bờ sông Hằng, lo sửa sang đường sá, rải các hoa hương và hai bên đường đều có cờ phướn chỉnh tề, tất cả thần dân, binh lính toàn nước phải ra tận bờ sông Hằng để cung nghinh Đức Thế Tôn. Nếu đúng như vậy ta sẽ hoan hỷ để Đức Phật ra đi, còn không được như thế thì ta nhất định sẽ xin Phật ở lại.

Sứ giả nước Tỳ-xá-ly nghe lời chỉ bảo của vua A-xà-thế thì hết sức vui mừng, liền cáo từ nhà vua trở lại tinh xá, đầu mặt sát đất đánh lễ thưa lại với Đức Phật đầu đuôi như vậy. Đức Thế Tôn liền chấp nhận. Sứ giả lễ Phật rồi vội vã ra về.

Sứ giả về tới thành Tỳ-xá-ly, đem mọi sự tâu lên vua mình. Nhà vua nghe qua thì vô cùng vui mừng và nghĩ: “Trong nước ta cũng nên gieo giống phước đức”. Tức thì ra lệnh cho tu bổ đường sá từ cửa thành Tỳ-xá-ly tới bên sông Hằng, tất cả đều được sạch sẽ, rải các hoa thơm, xông hương thơm, hai bên đường bày la liệt cờ phướn thẳng hàng. Nhà vua Tỳ-xá-ly lại lệnh cho thần dân đánh chuông trống và tấu các thứ kỹ nhạc đến tận bờ sông Hằng để nghinh rước Phật. Nhà vua đem năm trăm chiếc lọng báu dâng cúng Đức Thế Tôn.

Vua nước Ma-kiệt-đà cũng ra lệnh tu bổ đường sá, tất cả đều được sạch sẽ, rải các hoa thơm, treo các cờ phướn đến tận bờ sông, quân lính cả nước cùng các dân chúng còn đánh chuông, thúc trống, tấu các thứ kỹ nhạc vang rền khắp trời đất cùng đứng hầu tiễn Đức. Nhà vua đem năm trăm chiếc lọng báu ra tận sông Hằng cúng dường Đức Thế Tôn.

Vua cõi trời Tứ thiên, vua cõi trời Đao-lợi, vua cõi trời Hóa ứng thính, mỗi vị cùng vô số chư Thiên cõi mình, đều đem theo các thứ ngọc

quý cõi trời đẹp để lạ thường cùng các thứ hoa hương, vô số kỹ nhạc và năm trăm lọng báu đến dâng cúng Đức Thế Tôn.

Vua cõi trời Phạm thiên thứ bảy cho đến cõi Thủ-đà-hội thiên, các Thiên vương này cùng các Thiên tử, mỗi vị đều đem theo các thứ hoa hương, kỹ nhạc và năm trăm chiếc lọng báu của cõi trời đến dâng cúng Đức Thế Tôn.

Vua loài A-tu-la là Tỳ-ma-tỳ-la cùng vô số dân A-tu-la đem các ngọc quý, các thứ hoa hương, vô số kỹ nhạc và năm trăm lọng báu đến dâng cúng Đức Thế Tôn.

Long vương Ta-kiệt-la cùng vô số rồng quyến thuộc, mỗi vị đều đem theo vô số hương thơm, thổi các thứ kỹ nhạc và năm trăm lọng báu đến dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn.

Tổng cộng số lọng báu cúng dường cho Đức Thế Tôn là ba ngàn chiếc. Đức Phật để lại một chiếc, còn bao nhiêu thì thọ nhận. Chiếc lọng báu để lại với dụng ý che chở cho hàng đệ tử sau này khiến họ được cúng dường.

Ngay lúc ấy, vô số chư Thiên, muôn dân, rồng, A-tu-la, nhiều không thể kể xiết, cùng nhau kéo đến tinh xá Trúc lâm, nơi Đức Phật đang ngự. Vua nước Tỳ-xá-ly và các thần dân đều nói:

-Ngày nay Đức Phật sẽ vượt qua sông Hằng, chúng ta cùng nhau dùng năm trăm chiếc thuyền để đưa Đức Phật qua sông.

Vua và thần dân nước Ma-kiệt-đà cũng nói:

-Ngày nay, Đức Phật sẽ qua sông, chúng ta phải dùng năm trăm chiếc thuyền để đưa tiễn.

Chư Thiên mỗi tầng trời cũng đều sắm sửa năm trăm chiếc thuyền quý. Các loài A-tu-la cũng cùng nhau tạo ra năm trăm thuyền quý. Lúc ấy, loài rồng bèn tự đem thân mình bện thành năm trăm chiếc cầu, muốn Đức Thế Tôn giẫm trên thân mình để qua khỏi sông.

Bấy giờ, Đức Phật nhận thấy tất cả chư Thiên, dân chúng, rồng, A-tu-la. Mỗi loài đều có tâm hoan hỷ cúng dường, nên để cho tất cả chúng sinh đều được phước, Đức Phật đã dùng hóa thân biến hiện khắp trên các thuyền. Chư Thiên, dân chúng, rồng, A-tu-la, mỗi loài đều tự thấy Đức Như Lai Thế Tôn chỉ ở trên thuyền của mình, còn các thuyền khác thì không có. Với cách thức như thế, Đức Như Lai đã đi qua khỏi sông.

Vô số chư Thiên đầy trong hư không rải các hoa quý, đốt các hương thơm vì diệu lạ thường, thổi các kỹ nhạc. Dân chúng, rồng, A- tu-la đều cũng rải các hoa quý, xông các hương thơm và tấu các kỹ nhạc được gặp Thế Tôn nên lòng vui mừng vô hạn.

Lúc ấy, Đức Như Lai quán biết chư Thiên, muôn dân trong ba cõi đều đem tâm vui mừng, hớn hở cúng dường Đức Như Lai. Đức Như Lai muốn nêu bày về nhân nơi đời trước của mình khi còn tu hạnh Bồ-tát, nên liền mỉm cười, hào quang ngũ sắc từ nơi kim khẩu phóng ra, mỗi đạo hào quang phát xuất vô số tia sáng, mỗi tia sáng hiện một hoa sen báu, trên mỗi hoa sen có hóa thân Phật. Tất cả hào quang chia làm năm phần:

Phần hào quang thứ nhất chiếu sáng rõ cõi Dục, cõi sắc và Vô sắc. Chư Thiên trong ba cõi thấy hào quang ấy và các vị Hóa Phật, tất cả đều hoan hỷ, xa lìa dục lạc, hướng về Đức Hóa Phật nghe thuyết kinh pháp. Vô lượng chư Thiên nghe kinh pháp, lòng vô cùng vui mừng, đều chứng được các quả vị, có người chứng quả Tu-đà- hoàn, có người chứng quả Tu-đà-hàm, có người chứng quả A-na- hàm, có người chứng quả A-la-hán, có người phát tâm cầu đạt đạo quả Đại Bồ-đề, chứng bậc Bất thoái chuyển.

Phần hào quang thứ hai chiếu vào loài người trong Tam thiên đại thiên thế giới, chư vị Hóa Phật trong hào quang biến khắp các thế giới. Tất cả dân chúng khi thấy được ánh sáng đó thì cũng đều thấy được Hóa Phật. Đối với những kẻ nào lòng đầy sân hận thì tâm sân hận ấy liền được tiêu diệt và đều phát tâm từ bi. Đối với những kẻ lửa dâm dục hầy hùng thì tâm dâm dục ấy liền được tiêu trừ, nhận thức được sự bất tịnh. Đối với những kẻ tối tăm ngu si thì họ đều được tỉnh ngộ, rõ được bốn pháp vô thường. Đối với những ai bị giam cầm trong ngục thì đều được phóng thích. Đối với kẻ mù thì được sáng, kẻ điếc được nghe, kẻ câm được nói, kẻ chân tay què quặt thì được hoàn hảo, người tàn tật hay mắc phải một trăm thứ bệnh cũng đều được lành khỏi. Tất cả dân chúng không một ai là không vui mừng, đều lìa bỏ sự đam mê dục lạc, hướng về Hóa Phật. Lúc đó, mỗi vị Hóa Phật đều thuyết pháp khiến tâm ý nơi mọi người đều được khai mở. Hoặc có kẻ dự vào Thánh đạo, có kẻ chứng quả Bất lai, có kẻ chứng quả Bất hoàn, có kẻ chứng bậc Vô trước (*A-la- hán*). Hoặc có kẻ phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, trụ vững nơi pháp Đại thừa không còn thoái chuyển. Số ấy không thể kể xiết.

Phần hào quang thứ ba chiếu khắp cõi ngạ quỷ, tất cả các vị Hóa Phật trong hào quang đều biến hiện khắp cảnh giới ngạ quỷ. Bao nhiêu ngạ quỷ trông thấy hào quang của Phật thì tự nhiên no nê không còn đói khát, thân tâm thanh tịnh dứt hết phiền não, nghe các vị Hóa Phật thuyết

pháp đều hoan hỷ, tâm hạ tiện bỏn sển được tiêu trừ, sau khi mạng chung được sinh về cõi trời.

Phần hào quang thứ tư chiếu vào cảnh giới súc sinh trong đại thiên thế giới, tất cả loài cầm thú trông thấy hào quang của Phật, đều hết sức vui mừng, tâm lành tự động phát sinh, trái lại tâm độc ác của các loài cạp, sói, rồng, rắn, sư tử. Đều được tiêu diệt, ngay tức thì các loài ấy đều đem tâm yêu thương đối với nhau chứ không còn sát hại nhau nữa. Sau khi mạng chung, đều được sinh lên các cõi trời.

Phần hào quang thứ năm chiếu khắp cảnh địa ngục trong đại thiên thế giới, những chỗ tối tăm trong núi Thiết vi không đâu là không sáng tỏ. Tất cả các chúng sinh trong tất cả các địa ngục khi trông thấy ánh hào quang này thì liền thấy Hóa Phật; nên vô cùng vui mừng hơn hờ, như lửa tắt, nước nóng trở thành mát, những cảnh khảo tra độc ác đều được dừng nghỉ. Địa ngục Hàn băng bỗng nhiên ấm áp. Chúng sinh trong địa ngục đã dứt được cảnh đau khổ nên vui mừng không thể kể xiết. Lúc ấy, các vị Hóa Phật, mỗi vị đều vì chúng sinh trong địa ngục mà thuyết pháp, khiến tâm họ được khai ngộ, ngay khi xả bỏ thân mạng được sinh lên các cõi trời.

Ngay vào lúc các vị Hóa Phật trong hào quang biến hiện đầy khắp trong cõi Tam thiên đại thiên thế giới thì chúng sinh trong năm đường đều được giải thoát.

Phần hào quang của Đức Như Lai phát ra và nhập vào một chôn nào thì đều có chỗ tương ứng:

Như Hóa Phật muốn nói về việc địa ngục, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ lòng bàn chân Đức Thế Tôn để đi vào cõi kia.

Như Hóa Phật muốn nói về việc súc sinh, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ trên bàn chân Đức Thế Tôn để đi vào cõi ấy.

Như Hóa Phật muốn nói về việc ngựa quý thì hào quang Hóa Phật phát ra từ mắt cá và ống chân Đức Thế Tôn để đi vào cảnh giới đó.

Như Hóa Phật muốn nói về việc nơi cõi người, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ bắp vế Đức Thế Tôn để đi vào.

Như Hóa Phật muốn nói về việc của Chuyên luân thánh vương, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ rún Đức Thế Tôn để đi vào.

Như Hóa Phật muốn nói về việc A-la-hán, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ kim khẩu Đức Thế Tôn để hội nhập.

Như Hóa Phật muốn nói về việc Bích-chi-phật, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ chặng giữa hai hàng lông mày Đức Thế Tôn để hội nhập.

Như Hóa Phật muốn nói về việc Bồ-tát, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ trên đỉnh đầu Đức Thế Tôn để hội nhập.

Như Hóa Phật muốn nói về việc quá khứ, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ phía sau lưng Đức Thế Tôn để hội nhập.

Như Hóa Phật muốn nói về việc hiện tại và vị lai, thì hào quang Hóa Phật phát ra từ phía trước Đức Thế Tôn để hội nhập.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện đại thần thông biến hóa, hào quang chiếu khắp mười phương thế giới. Trong toàn cõi đại thiên mưa xuống các thứ hoa trời, vô lượng các thứ kỹ nhạc không người điều khiển mà tự nhiên hòa tấu. Đại chúng, chư Thiên, muôn dân không ai là không vui mừng, hớn hở.

Khi ấy, Đức Thế Tôn thu nhiếp thần túc, tất cả Hóa Phật trong hào quang liền xoay về nhiều quanh Đức Thế Tôn ba vòng, rồi nhập vào sau lưng kim thân. Vô lượng chư Thiên cùng tất cả đại chúng đồng ca ngợi Đức Như Lai:

-Công đức của Như Lai thật vòi vọi, không thể nghĩ bàn, tính toán!

Lúc ấy, Tôn giả A-nan chấp tay quỳ mọp trước Đức Phật bạch:

-Đức Phật không bao giờ cười suông nên khi Ngài cười là có duyên cớ. Nụ cười hoan hỷ của Đức Phật ngày hôm nay như vậy, ắt là sẽ nói về các việc làm nơi đời trước của mình chăng?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan và đại chúng:

-Vào thuở quá khứ lâu xa vô lượng vô số kiếp, tại cõi Diêm-phù-đề này có một vị Chuyển luân thánh vương tên là Tu-đà-lê Thiện Ninh trị vì bốn châu thiên hạ. Cõi Diêm-phù-đề này có tám vạn bốn ngàn vua tiểu quốc với tám vạn bốn ngàn thành. Nhà vua có bảy thứ báu:

Thứ nhất là kim luân, bánh xe này có một ngàn tám, đường kính bốn mươi dặm, chu vi khoảng một trăm hai mươi dặm. Khi nhà vua muốn ra đi, thì kim luân dẫn đường đi trước, không cần sức người, trên đầu kim

luân tự nhiên xoay suốt, khi muốn đứng lại thì tự nhiên dừng nghỉ, không cần vật ngăn cản.

Thứ hai là ngọc Ma-ni, nếu treo ngọc trên đầu cây phước, thì suốt ngày đêm ánh sáng chiếu xa đến một ngàn sáu trăm dặm.

Thứ ba là voi trắng, thân nó rất dài, đẹp đẽ lạ thường, sắc trắng như tuyết. Nhà vua cỡi trên mình thì tự nhiên bay đi khắp bốn châu thiên hạ chỉ trong khoảng thời gian một bữa ăn.

Thứ tư là ngựa màu xanh biếc, lông bờm và lông đuôi màu đỏ tươi, nhà vua cỡi lên mình, thì nó phi khắp cõi thiên hạ chỉ trong khoảng thời gian một bữa ăn.

Thứ năm là quan thống lãnh binh lính, như ý nhà vua cần có trăm ngàn vạn hùng binh, thì tự nhiên quân lính kéo đến.

Thứ sáu là quan quản thủ kho tàng, nếu nhà vua muốn dùng vàng, bạc, bảy báu, quần áo, mũm mề, đồ ăn uống... thì hai tay của quan liền mang đầy đủ bảy báu, tài sản, tất cả nhu cầu cần thiết đến ngay, rồi tùy theo ý của nhà vua, các vật dụng cứ hiện ra trong hai tay không bao giờ cùng tận.

Thứ bảy là ngọc nữ, hình dung tươi đẹp không ai sánh kịp, giống như Tiên nữ cõi trời, không chút cấu uế, bất tịnh như những người nữ bình thường khác, thân thể trong lành như hoa sen xanh tỏa hương thơm ngào ngạt. Khi ý nhà vua muốn được mát mẻ, thì thân người nữ tự nhiên mát rượi, khi nhà vua muốn ấm áp thì thân người nữ tự nhiên ấm áp, tiếng như Phạm âm, thường khiến nhà vua hoan hỷ vô cùng, gọi là ngọc nữ bảo.

Nhà vua có một ngàn người con, dũng mãnh phi thường, khi vua sắp ra đi thường có lọng bảy báu luôn che trên đầu, bảy thứ báu kia và vô số quần thần hộ vệ trước sau, một trăm, một ngàn kỹ nhạc cùng hòa tấu, âm thanh vi diệu, trang nghiêm, oai vệ không sao kể xiết.

Thái tử nhỏ nhất trong số một ngàn người con của nhà vua, thấy vua như vậy nên thưa hỏi mẫu hậu:

-Đây là vị quốc vương nào mà oai phong như thế?

Mẫu hậu đáp:

-Đó là đại Chuyển luân vương Tu-đà-lê Thiện Ninh, trị vì bốn châu thiên hạ, là cha của con, sao con lại không biết?

Thái tử lại hỏi:

-Con chừng nào sẽ được làm vua?

Mẫu hậu đáp:

-Phụ vương có một ngàn người con, con là đứa con út nên không được làm vua.

Thái tử lại nói:

-Nếu không được làm vua, ở tại gia làm kẻ bạch y làm gì?

Liên quý mọp trước mẫu hậu thưa:

-Cúi xin mẫu hậu cho con được phép xuất gia làm Sa-môn, vào trong núi sâu, đằm vắng tu học đạo Tiên.

Mẫu hậu liền đồng ý và nói:

-Nếu con tư duy chúng được trí tuệ, quyết phải trở về cho ta biết.

Thái tử đồng ý, liền xuống tóc, mặc áo hoại sắc, vào trong đằm núi tinh tấn tọa thiền, tư duy về trí tuệ. Trong hiểu rõ về ngũ âm, ngoài biết muôn vật tất cả đều vô thường, tất cả thọ thân đều là sự chứa nhóm của các khổ. Như Chuyển luân thánh vương là bậc hào kiệt, tài giỏi hơn người, làm chủ cõi đời, được tam giới tôn vinh nhưng cũng như trò ảo thuật không có chủ tể. Duyên hợp thì có, duyên tan thì không, đều từ nhân si ái mà có các hành nghiệp. Do các hành nghiệp mà thọ tất cả thân nên chịu quả khổ trong năm đường, nếu không có các si ái thì không có các hành nghiệp, không có hành nghiệp thì không có năm đường, do không có năm đường thì không có thọ thân, do không có thân thì các khổ liền diệt. Tư duy như vậy, bỗng nhiên tâm trí được khai ngộ, chúng đạo quả Bích-chi-phật, sáu phép thần thông thấu triệt không gì ngăn ngại, rồi bay vọt lên hư không, biến hóa đủ cách.

Bích-chi-phật nhớ lời hứa cũ liền trở về thăm mẫu hậu, hiện thân tức thông bay trên hư không, lúc đi kinh hành, lúc thiền tọa, lúc thì nằm, trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa, trên thân phun ra lửa, dưới thân phun ra nước, một thân phân ra làm trăm ngàn vạn cho đến vô số thân, rồi

trăm ngàn vạn thân hiệp lại thành một thân. Mẫu hậu thấy sự biến hóa như vậy, trong lòng rất vui mừng liền đánh lễ đầu mặt sát đất.

Mẫu hậu lại hỏi:

-Thái tử sinh sống bằng cách nào?

Đáp:

-Khất thực để tự sống.

Mẫu hậu lại nói:

-Chớ nên khất thực, hãy nhận lời mời của ta, từ nay về sau Tôn giả sẽ ở trong vườn này, nguyên ngày ngày sẽ nhận đồ ăn uống do ta cúng dường, cũng để cho ta có cơ duyên làm chút phước đức.

Bích-chi-phật nhận lời mời của mẫu hậu, ở lại trong Thượng uyển. Bà ta ngày ngày tự mình mang thức ăn đến dâng cúng cho Bích-chi-phật. Trải qua được vài năm, một hôm, tự nghĩ: ‘Thân này nhơ nhớp, không chút trong sạch, thân là món đồ chưa các thứ đau khổ, dùng nó làm gì?’, liền xả bỏ thân mạng, nhập vào tịch diệt đạt đến Niết-bàn vô dư. Mẫu hậu làm lễ trà-tỳ, thâu xá-lợi, xây tháp dùng hoa hương cúng dường.

Một hôm nọ, nhà vua dạo chơi trong khu thượng uyển, thấy bảo tháp ấy liền hỏi quan cận thần:

-Nguyên vườn này không có bảo tháp, ai là người xây cất?

Mẹ Bích-chi-phật liền tâu:

-Đây là bảo tháp người con út trong số các thái tử của nhà vua. Một hôm trông thấy nhà vua ngự giá người con ấy đã hỏi thiếp: “Đây là đại vương nào mà oai nghiêm như thế?”

Thiếp đáp: “Chuyên luân thánh vương Tu-đà-lê Thiện Ninh, là cha của con.”

Người lại hỏi tiếp: “Con chừng nào sẽ được làm vua?”

Thiếp đáp: “Con là thái tử nhỏ nhất trong một ngàn thái tử, nên không được làm vua.”

Người lại thưa: “Nếu không được làm vua thì ở tại gia làm bạch y làm gì? Nên xin phép mẫu hậu cho con từ biệt, xuất gia học đạo.”

Thiếp đã đồng ý, nhưng với lời giao ước: Nếu con đắc đạo thì nhất định sẽ về thăm mẹ. Người liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc vào tận chốn núi sâu đăm vắng tinh tấn thiên tọa, chứng được đạo quả Bích-chi-phật. Người đã giữ lời hứa nên trở về thăm thiếp. Thiếp mời ở lại trong vườn Thượng này, ngày ngày cúng dường cơm nước và những vật cần dùng. Trải qua nhiều năm như vậy, rồi nhập Niết-bàn. Thiếp đã làm lễ trà-tỳ và xây tháp thờ tại đây. Chính là tháp của Bích-chi-phật, con ta.

Nhà vua nghe hoàng hậu tâu qua, trong lòng buồn vui lẫn lộn, rồi bảo với hoàng hậu:

-Sao khanh lúc ấy không nói cho ta biết! Ta sẽ đem ngôi Chuyển luân thánh vương truyền trao cho người. Ta lấy làm hối tiếc là đã không được nghe lời tỏ bày. Nhưng nay người tuy nhập Niết-bàn rồi, ta vẫn đem vương vị trao cho thái tử út của ta.

Nhà vua liền cỡi chiếc thiên quan bằng bảy báu cùng những đồ phục sức tốt đẹp đắp lên trên bảo tháp, đầu mặt sát đất đánh lễ, dùng hoa hương, kỹ nhạc cúng dường, lòng rất vui mừng.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Chuyển luân Tu-đà-lê Thiện Ninh lúc ấy là thân Ta ngày nay. Con Ta lúc ấy thành Bích-chi-phật, Ta cúng dường nơi bảo tháp của Bích-chi-phật ấy, rồi đem ngôi vua dâng lên, cùng chiếc lọng lớn bằng bảy báu che trên tháp báu. Do nhân duyên của công đức đó, vô lượng số kiếp, Ta làm Chuyển luân thánh vương trị vì bốn châu thiên hạ và bảy thứ báu luôn có bên Ta, thường có ba ngàn lọng bằng bảy báu tự nhiên hiện đến. Vô lượng vô số kiếp làm Thiên đế hay Phạm vương. Cho tới ngày nay, nếu Ta không thành Phật thì ba ngàn lọng bảy báu vẫn có đến vô tận, không bao giờ chấm dứt.

Cúng dường tháp một Bích-chi-phật đạt được công đức không thể cùng tận, huống gì là cúng dường nơi sắc thân của Như Lai và sau khi Phật diệt độ, xây tháp thờ xá-lợi, hay tạo tượng Phật để cúng dường... thì công đức này vượt hẳn công đức cúng dường nơi tháp Bích-chi-phật kia gấp trăm ngàn lần, không thể tính kể, không thể ví dụ.

Bấy giờ, tất cả đại chúng hết sức vui mừng, tâm được khai ngộ, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Hoặc có người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, hoặc có người trụ nơi quả vị Bất thoái chuyển, số ấy không thể kể xiết.

Tất cả đại chúng đều hết sức hoan hỷ, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, đầu mặt sát đất đảnh lễ, mỗi người lần lượt trở về chỗ ở của mình.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn tiến vào thành Tỳ-xá-ly, khi đến cửa thành, Ngài nói kệ:

Thiên thân trên mặt đất
Chư Thiên tại hư không
Những ai đến chỗ này
Đều phải phát Từ tâm.
Ngày đêm sinh hoan hỷ
Thực hành theo chánh pháp
Độc hại chớ để lòng
Quấy nhiễu các dân chúng.

* *

*

KINH BỒ TÁT BẢN HẠNH

Hán dịch: Mất tên người dịch - Phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn

Việt dịch: Linh-Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh

卍

QUYÊN HẠ

Khi Đức Như Lai nói lời chân chánh vi diệu như vậy, thì đám quỷ gây bệnh tật đều chạy về hướng nước Ma-kiệt-đà, nhờ vậy dịch bệnh trong nước Tỳ-xá-ly đều được tiêu trừ. Đức Phật phải quay trở về nước Ma-kiệt-đà, thì đám quỷ gây bệnh tật ấy lại chạy sang nước Tỳ-xá-ly. Do đó, Đức Thế Tôn phải qua lại hai nước đến bảy lần, cuối cùng lại nói:

-Ta từ vô số kiếp đến nay, tạo được bao nhiêu công đức, đều nhằm để phát đại nguyện. Nay Ta đem việc làm chân chánh này để trừ tâm bệnh và thân bệnh cho tất cả chúng sinh.

Đức Phật kể:

-Khi Ta làm vua tên là Thi-tỳ, vì một con bò câu mà tự cắt thịt trên thân mình, Ta đã phát lời thệ nguyện trừ diệt tận mọi nguy hiểm cho tất cả chúng sinh.

Khi Ta làm thái tử tên là Ma-ha-tát-đỏa, vì hai mẹ con cọp đói mà ta xả bỏ thân mạng cho cọp được sống.

Khi Ta làm vua tên là Xá-thi, tự lấy thịt nơi thân mình hiến cho người bệnh trải qua mười hai năm.

Khi Ta làm vua tên là A-di-đà-da-luong, bị bệnh, tự chế thuốc để uống, lúc ấy có một vị Bích-chi-phật mắc bệnh đồng như nhà vua, đến chỗ nhà vua xin thuốc. Nhà vua nhịn không uống thuốc, đem phần thuốc của mình cúng cho Bích-chi-phật, rồi phát đại nguyện: Nguyện cho tất cả bệnh chúng sinh đều được diệt trừ.

Khi Ta làm vua tên là Tu-đà-tổ-di, Ta cứu được mạng sống cho một trăm vua sắp chết và đã cải hóa vua Ca-ma-sa-bạt khiến ông ta đạt được chánh kiến, lời thề ác của Ca-ma-sa-bạt trong mười hai năm đều được tiêu trừ.

Khi Ta làm thái tử tên là Tu-đại-noa đã đem bố thí cả vợ lẫn hai con.

Khi Ta làm thái tử Ma-huru-sa-đà, đã đem thuốc chữa bệnh cho tất cả chúng sinh, lại vào trong biển lớn tìm được ngọc Ma-ni, đem về giúp đỡ cho dân chúng khỏi cảnh đói nghèo.

Khi Ta làm vua tên là Ma-ha-bà-lợi, trải qua hai mươi bốn ngày đem thịt thân mình cung cấp cho người bệnh.

Khi Ta làm Tiên nhân tên là San-đề-bà-la bị cắt đứt tay chân mà tâm không hề khởi sân hận.

Khi Ta làm vua tên là Ca-thi, dân chúng trong nước bị tật bệnh, nhà vua thọ bát quan trai giới, phát tâm đại từ bi đến tất cả chúng sinh, nên tất cả dân chúng trong nước đều được lành bệnh.

Khi Ta làm thầy giải trừ chú thuật tên là Tỳ-bà-phù, dân chúng bị bệnh dịch hoành hành, ta đem máu thịt của mình cho loài quỷ gây bệnh ăn để dùng vào việc giải trừ, tất cả dân chúng đều được lành bệnh.

Khi Ta làm Phạm thiên vương, vì một bài kệ, đã tự lột da trên thân mình làm giấy chép kệ.

Khi Ta làm vua tên là Tỳ-lăng-kiệt-lê, vì một bài kệ, trên thân chịu đóng một ngàn đinh.

Khi Ta làm Tiên nhân tên là Ưu-đa-lê, vì một bài kệ mà Ta tự lột da làm giấy, chẻ xương làm viết, lấy máu làm mực.

Khi Ta làm vua tên là Bạt-di, dân chúng trong nước bị bệnh ghẻ lở, nhà vua đang đi, thấy một cây độc, lá cây độc này rụng vào dòng nước, người nào uống nhầm nước ấy thì sinh ra bệnh. Nhà vua liền ra lệnh chặt cành, đào gốc rễ rồi dùng lửa đốt rụi, thì một nửa dân chúng được lành bệnh, còn một nửa thì bệnh vẫn như cũ, không thuyên giảm. Vua hỏi quan ngự y:

-Vì có gì một số dân chúng mắc bệnh không bớt?

Quan ngự y đáp:

-Bệnh ghẻ này quá trầm trọng cần ăn cá mới bớt.

Vua nghe lời quan ngự y, liền đến trên cây bên bờ sông, nguyện làm cá, nguyện rằng:

-Ta ngày nay đem thân trừ bệnh cho muôn loài, nguyện đem công đức này cầu thành Phật đạo, để diệt trừ vô lượng tâm bệnh, thân bệnh cho

khắp tất cả chúng sinh, đều như sở nguyện. Nếu có chúng sinh nào được ăn thịt của ta, thì tất cả bệnh tật đều được lành khỏi.

Phát lời thệ nguyện rồi liền từ trên cây gieo mình xuống dòng nước, thân nhà vua biến thành cá, biết nói tiếng người. Cá nói:

-Hễ ai có bệnh, đến bắt cá này về ăn thịt sẽ được lành bệnh.

Dân chúng nghe lời nói ấy, đều đến bắt cá về ăn thịt, nhờ vậy tất cả bệnh đều được lành hết.

Đức Thế Tôn đã tự kể về việc làm nơi đời trước của mình như vậy, tất cả những lời nguyện ấy ngày nay đều được thành tựu. Đức Phật nói:

-Nay Ta dùng giáo pháp chân chánh để trừ diệt tai họa cho tất cả chúng sinh. Khi ấy, Đức Phật liền tự hóa một thân thành hai đầu, một đầu ngó về nước Tỳ-xá-ly, một đầu ngó về nước Ma-kiệt-đà, tất cả đám quỷ gây bệnh đều chạy ra xa tận biển khơi. Dân chúng hai nước, mọi thứ tật bệnh đều được lành khỏi, lúa thóc hoa màu được mùa, muôn dân an lạc. Ngài đem Phật pháp giáo hóa, khiến mọi tâm bệnh dục vọng nơi mọi người đều được thanh tịnh, trụ trong chánh pháp, tất cả người dân đều hết sức vui mừng.

Lúc đó, các vị Tỳ-kheo khác miệng đồng lời cùng tán thán:

-Công đức Như Lai thật là vô lượng, vô cùng vi diệu không thể nghĩ bàn.

Đức Phật lại bảo chư vị Tỳ-kheo:

-Ta chẳng những trừ diệt những tai họa, đói khát, bệnh tật cho chúng sinh trong đời nay, mà trong thời quá khứ cũng lại như vậy.

Về thời quá khứ vô số kiếp xa xưa, tại cõi Diêm-phù-đề này có vị vua của một nước lớn tên là Phạm thiên, tám vạn bốn ngàn vua tiểu quốc thuộc cõi Diêm-phù-đề. Nhà vua có hai vạn phu nhân, một vạn thể nữ, lại không có thái tử. Ngày đêm ưu sầu, nên cầu khẩn nơi các đền thờ thần linh: Phạm thiên, Đế Thích, Ma-ha Bá-lê thiên, cầu trời đất, cầu mặt trăng, mặt trời. Nhân đó mới sinh được thái tử. Thái tử sinh ra, hình dung đoan nghiêm, đẹp đẽ lạ thường, có tướng đại nhân, quý danh là Đại Tự Tại Thiên. Thái tử là người nhân từ, thông minh, trí tuệ, tất cả sách vở của thế gian, mọi sự chuyển biến của tinh tú, nhật thực, nguyệt thực và tất cả kỹ thuật ngoài đời không một nghề nào là không thông đạt. Thái tử lại

học nghề thầy thuốc và cách bào chế dược phẩm, lại ra lệnh cho tất cả bệnh nhân trong nước: “Hễ ai có bệnh thì hãy đến đây ta sẽ cung cấp thuốc men, thực phẩm và chăm sóc.” Dân chúng được tin này, bao nhiêu người bệnh đều đổ xô về chỗ ở của thái tử. Tất cả người lớn, kẻ nhỏ trong nước đều vui vẻ, không một ai là không ca ngợi công đức này. Bệnh nhân không đến các thầy thuốc khác, trong đó có một số thầy thuốc tỏ ra khinh mạn, hầu hết đám này đều ôm lòng oán hận, ganh tỵ với thái tử.

Thời gian này, dân chúng cõi Diêm-phù-đề bị bệnh dịch lan tràn, lại thêm cảnh củi quế gạo châu. Nhà vua đã tập trung tất cả danh y mà không chữa khỏi bệnh, dân chúng bị bệnh chết từng ngày, từng ngày tăng lên rất nhiều. Nhà vua rất đổi ưu sầu, bèn ra chiếu chỉ mời các danh y về triều để hỏi phương thuốc cứu chữa.

Lúc ấy, có một thầy thuốc sẵn lòng đồ kỵ với thái tử, trong tâm suy nghĩ: “Thái tử này là oan gia của ta, nay đúng là gặp dịp may hiếm có”, liền tâu lên nhà vua:

-Thần nhớ có một phương thuốc xin thử về xem lại cho tường tận.

Nhà vua đồng ý, ông ta liền đi, sáng hôm sau mới trở lại, đến trước đại vương tâu:

-Tâu đại vương, thần tìm được một phương thuốc, nếu như đại vương đồng ý thì tất cả bệnh tật đều được trừ lành.

Vua liền hỏi:

-Phải cần những dược liệu gì? Khanh cứ nói thử xem!

Thầy thuốc đáp:

-Phải tìm cho được một người từ khi sinh ra cho đến ngày nay luôn đầy lòng Từ bi, thương xót tất cả chúng sinh và chưa bao giờ khởi tâm sân hận, sẽ dùng máu của người ấy hòa với thuốc để uống, móc hai tròng con mắt của người ấy để trừ quỷ, thì các chứng bệnh mới hết được.

Nhà vua bảo:

-Con người từ khi mới sinh cho đến hôm nay chưa từng sinh tâm sân hận, đây là việc khó có, việc này thật khó vô cùng, có lẽ không thể nào tìm được đâu!

Thái tử nghe lời nói như vậy, liền tâu phụ vương:

-Việc này dễ thôi, không có gì là khó cả!

-Con là con của phụ vương, từ khi sinh ra cho đến ngày nay chưa từng khởi tâm sân hận và cũng không hề có tâm độc ác đối với tất cả mọi người, luôn đem lòng Từ bi thương xót tất cả chúng sinh, từ trước tới giờ chưa có một niệm ác. Thân con vô thường không có gì bền chắc, chẳng bao lâu rồi cũng dẫn đến cái chết. Cúi xin đại vương đồng ý đem thân con làm thuốc để trừ bệnh cho chúng sinh.

Vua cha liền than:

-Ta không có con cái, đi cầu thần linh nơi các đền thờ thần mặt trời, mặt trăng, thần tinh tú, năm đỉnh núi cao, bốn quả núi lớn, do đó mới sinh được con. Ta nay dầu bỏ thân mất nước, nhất định không chịu theo ý con được.

Thái tử lại nài nỉ phụ vương:

-Con nay cầu Phật đạo, đem máu bồ thí cho chúng sinh, nguyện đem công đức này để hiểu rõ tất cả kinh điển của Như Lai. Con nay đem nhục nhãn này bồ thí cho chúng sinh, nguyện đem công đức ấy để được con mắt trí tuệ của Như Lai, con sẽ vì tất cả chúng sinh nguyện làm bậc Đạo sư chân chánh. Đại vương tuy không còn thái tử mà vẫn được làm vua. Giả sử quốc độ này không có muôn dân thì phụ vương làm vua với ai? Còn như tất cả dân chúng được lành bệnh, phụ vương tất sẽ trút khỏi nỗi ưu sầu.

Nhà vua lại buồn khóc nói với thái tử:

-Ta nay thà bỏ ngôi vua chứ đứa con đáng yêu quý này thật không thể bỏ.

Thái tử lại quỳ mọp, chấp tay thưa:

-Con nay dốc cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân. Nếu như luyện tiếc cái thân nhơ nhớp hôi thối này, thì làm sao tỏ ngộ được giáo pháp cao sâu vi diệu trí tuệ của Như Lai! Làm sao có thể đạt được tất cả tuệ nhãn! Cúi xin phụ vương chớ khước từ tâm cầu đạo vô thượng của con.

Phụ vương im lặng không nói một lời. Ông thầy thuốc liền tâu:

-Thần thử lấy một ít máu hòa với thuốc đem cho các bệnh nhân uống, nếu lành bệnh rồi mới móc mắt. Nếu chẳng lành thì chẳng nên móc mắt.

Khi ấy, thái tử tự tay chích máu nơi cánh tay mình và phát lời thệ nguyện:

-Ta dùng máu này quyết trừ bệnh cho chúng sinh, nguyện đem công đức này để thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân. Nếu quả thật ta sẽ thành Phật đạo, thì tất cả chúng sinh uống thuốc này bệnh sẽ được diệt trừ.

Tên thầy thuốc liền đem máu hòa với thuốc cho các bệnh nhân uống, tất cả đều được lành khỏi.

Thà thuốc lại tâu với đại vương:

-Bất cứ bệnh nhân nào uống thuốc này đều được lành mạnh. Đại vương thấy việc rõ ràng trước mắt, có thể không tin sao?

Bấy giờ, tám vạn bốn ngàn chư hầu cùng thần dân cả cõi Diêm-phù-đề, nghe thái tử của đại vương vì lòng Từ bi nhằm cứu giúp tất cả muôn dân mà móc hai tròng mắt, không một ai là không buồn khóc, nên tất cả đều tập hợp trước mặt thái tử, quỳ mọp chấp tay thưa:

-Cúi mong thái tử của đại vương, suy xét, chúng tôi thà tự xả bỏ thân mạng, chẳng nề để thái tử hủy hoại hai mắt. Lòng từ bi thương xót chúng sinh của thái tử cũng đủ công đức để chẳng bao lâu sẽ thành Phật, mong thái tử chớ hủy hoại hai mắt.

Thái tử liền dùng lời an ủi tất cả chư hầu và thần dân:

-Ta nay đem máu thịt, cho đến hai con mắt này để quyết trừ bệnh cho chúng sinh, nguyện đem công đức này cầu thành Phật đạo. Khi ta thành Phật sẽ quyết trừ tâm bệnh, thân bệnh cho các vị, chớ nên cản ngăn tâm vô thượng đạo của ta.

Chư hầu cùng tất cả thần dân nghe thái tử nói lời quả quyết như vậy, đều đứng lặng thinh.

Thái tử bèn sai quan hầu cận đem dụng cụ để mình khoét mắt. Thái tử bảo quan hầu cận:

-Ai là người có thể khoét giùm mắt ta?

Quan tả hữu cùng dân chúng thấy đều từ chối, không đủ can đảm làm việc này. Tên thầy thuốc với gan tỵ với thái tử liền lên tiếng:

-Tôi có thể làm được.

Thái tử hoan hỷ nói:

-Ta rất sung sướng!

Rồi cầm dao đưa cho thầy thuốc và dặn:

-Khoét tròng con mắt và đặt vào trong lòng bàn tay ta đây.

Tên thầy thuốc liền khoét một tròng con mắt, đặt vào bàn tay thái tử.

Khi đó, thái tử lập nguyện:

-Ta nay đem nhục nhãn này bố thí cho chúng sinh, chẳng cầu được làm Chuyển luân thánh vương, chẳng cầu làm Ma vương, chẳng cầu cảnh vui nơi năm dục sắc, thanh, hương, vị, xúc của Phạm vương. Nguyện đem công đức này cầu thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân, để ta được đầy đủ mắt trí tuệ, vì vô lượng chúng sinh khắp mười phương làm bậc Đại y vương, trừ diệt tâm bệnh, thân bệnh cho tất cả muôn loài, làm con mắt trí tuệ cho họ.

Thái tử phát nguyện rồi, cầm tròng mắt đặt lên chiếc án kê bên. Thái tử nói tiếp:

-Đúng như sở nguyện của tâm ta, thì tất cả chúng sinh đều được lành bệnh.

Phụ vương và mẫu hậu thấy cảnh như thế, liền ngã xiu, chết giắc, giây lâu mới tỉnh. Chư hầu, thần dân đều cất tiếng kêu khóc thảm thiết cảm động đến đất trời, có người tự đánh đập vào thân mình, hoặc có người hôn mê, chết giắc.

Ngay lúc tên thầy thuốc cầm dao khoét tròng mắt của thái tử, thì khắp cõi Tam thiên đại thiên chấn động dữ dội, tất cả chư Thiên trong ba cõi đều giáng hạ, thấy Bồ-tát vì chúng sinh mà tự khoét mắt cùng chích máu mình, nên vô số chư Thiên tất cả đều buồn khóc, nước mắt tuôn rơi như trận mưa lớn.

Trời Đế Thích bèn đến trước mặt thái tử thưa:

-Lòng từ bi của thái tử hôm nay, vì chúng sinh nên không tiếc thân mạng, khoét mắt lấy nhục nhãn. Sự đau khổ như vậy thật là khó làm. Vậy thái tử đem việc làm công đức đó nhằm cầu nguyện những gì? Phải chăng là cầu Thiên đế, Ma vương, Phạm vương, Vương tử hay cầu nguyện những gì khác chăng?

Thái tử đáp:

-Ta chẳng cầu ngôi vị Chuyển luân thánh vương, Thiên đế, Ma vương, Phạm vương, chẳng cầu cảnh vui nơi năm dục sắc, thanh, hương, vị, xúc trong ba cõi, chỉ đem công đức này cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân. Vì tất cả chúng sinh làm bậc Đại y vương, trừ tâm bệnh, thân bệnh cho tất cả muôn loài, làm con mắt trí tuệ dẫn dắt, để tất cả chúng sinh đều lìa tai họa sinh tử.

Trời Đế Thích cùng tất cả chư Thiên đồng ca ngợi:

-Lành thay! Lành thay! Hết sức to lớn, khó có gì sánh bằng! Như sở nguyện ấy, chẳng bao lâu tất sẽ thành Phật.

Trời Đế Thích bèn lấy tròng mắt đặt lại nơi con mắt đã bị khoét, tức khắc mắt thái tử bình phục như xưa, lại sáng đẹp gấp bội lần con mắt cũ. Vô lượng chư Thiên dùng hoa trời rải trên người thái tử, không ai là không vui mừng. Phụ vương, mẫu hậu, cùng thể nữ và các tiểu vương, thần dân đều vô cùng vui mừng, hớn hở.

Trời Đế Thích lại sai đại tướng quân Tỳ-ba-đan-ma đuổi các loài quỷ gây bệnh trở về tận biên cả. Mọi người bị bệnh đều khỏi. Trời Đế Thích liền mưa các thức ăn uống, kể đến mưa lúa gạo, rồi mưa y phục, rồi tiếp mưa bảy báu. Tất cả bệnh nhân đều được lành mạnh, mọi người no đủ, không ai bị đói khát, dân chúng vui mừng, quốc gia hưng thịnh.

Sau đó vài năm, vua cha băng hà, thái tử lên ngôi hoàng đế ngự tại chánh cung, bảy thứ quý báu tự nhiên hiện đến, làm vị Chuyển luân thánh vương trị vì bốn châu thiên hạ, không một ai là chẳng nhờ ân.

Công đức của việc làm ấy đời hiện tại đã được phước báo như vậy.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

-Thái tử Tự Tại Thiên lúc ấy là thân Ta ngày nay, phụ vương Phạm thiên nay là phụ vương Bạch Tịnh, mẫu hậu nay là mẫu hậu Ma-da, mẹ của Ta, tên thầy thuốc khoét mắt Ta nay là Điều-đạt, dân chúng cõi Diêm-phù-đề thời đó là dân chúng hai nước Tỳ-xá-ly và Ma-kiệt-đà. Ta lúc ấy cũng trừ hoạn nạn, bệnh tật, đói khát cho muôn dân. Ta nay cũng tận trừ tâm bệnh, thân bệnh cho chúng sinh, cũng khiến cho chúng sinh được mắt trí tuệ, lập nguyện, chứng đạo.

Bồ-tát làm việc bố thí siêng năng khổ nhọc hoàn toàn không chấp tướng như thế.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo nghe lời Đức Phật dạy, đều hoan hỷ lễ Phật.

* *
*

Nghe như Vầy:

Một thuở nọ Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Sa-môn sắp vào thành khất thực.

Khi Đức Phật sắp vào thành, có năm trăm vị trời phóng làn gió thơm thổi trên mặt các đại lộ và những đường hẻm trong thôn xóm, nên tất cả đều được sạch sẽ. Những nơi bất tịnh, như nhớp, phân ứ hôi thối đều tự nhiên vùi lấp vào lòng đất, tất cả đường sá đều thoáng sạch. Năm trăm vị trời tuôn mưa bằng những giọt nước thơm, nên mọi đường sá lớn nhỏ đều được thấm ướt, cùng tung rải các hoa trời. Nhà vua, thần dân thấy điềm lành này, biết là Đức Phật sắp đến, nên mọi người đều bỏ các công việc của mình đang làm, cùng nhau chạy nhanh đến nghênh đón Đức Thế Tôn. Trong số dân chúng đến diện kiến Đức Phật, có người quét đường, có người rải hoa, có người xông hương, có người cởi áo trải nơi đất, có người xoa tóc trải trên mặt đường, mong Đức Phật giẫm trên đó mà đi qua. Có người đem thân nằm rạp trên đất mong được Đức Phật bước qua trên thân mình, có người cầm phước lọng, có người thổi nhạc. Mọi người đều chấp tay, nhứt tâm thanh tịnh chiêm ngưỡng Đức Như Lai. Tất cả chúng sinh, mỗi người đều đem mỗi thứ để cúng dường Đức Thế Tôn.

Khi ấy có một người dòng Bà-la-môn quá nghèo, không có hoa hương để cúng dường Đức Điều Ngự, tự lấy làm buồn, dù đã nghĩ đủ cả trăm phương, chỉ còn một việc là nhứt tâm tịnh ý chiêm ngưỡng mà thôi! Liền thể hiện rõ oai nghi nghiêm chỉnh, chí tâm cung kính, với tấm lòng phấn khởi, chấp tay đứng yên chiêm ngưỡng tôn nhan Như Lai và dùng kệ tán thán Đức Phật:

Tôn nhan ánh vàng rực

Ba hai tướng tốt hiện

Tất cả hàng chúng sinh

Thấy Ngài đều tán thán.

Thấy Phật tâm hoan hỷ

Ưu sầu liền dứt sạch

Vượt qua biển sinh tử

Cúi đầu lễ Từ Tôn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nở nụ cười hân hoan, hào quang năm sắc từ kim khẩu phóng ra hàng trăm ngàn sự kỳ diệu. Mỗi đạo hào quang có vô số tia sáng. Trên mỗi tia sáng có hoa sen bằng bảy báu. Trên mỗi hoa sen có Hóa Phật xuất hiện. Ánh sáng tỏa khắp mười phương, dưới đến các địa ngục lớn, trên thì đến cõi trời Ba mươi ba, chiếu khắp các chỗ tối tăm trong năm đường, tận cùng các cảnh giới Phật, không một nơi nào là không sáng tỏ.

Chư Thiên, dân chúng trong Đại thiên thế giới thấy được hào quang của Phật không ai là không vui mừng hơn hởi, đều xả bỏ mọi thứ dục lạc, rời cung điện, cùng nhau hướng về chỗ Đức Phật đang ngự, nghe Phật thuyết pháp mà được độ thoát. Có người thấy được hào quang mà được độ thoát. Hoặc có người nghe Hóa Phật thuyết pháp mà được giải thoát. Hoặc có người thấy ánh hào quang tìm đến chỗ Đức Phật ngự mà được độ thoát.

Cánh khảo tra trong vô lượng địa ngục đều được dừng nghỉ, các chúng sinh ở đấy sau khi mạng chung đều được sinh về cõi Phật.

Tất cả cầm thú trong cảnh giới súc sinh, tâm lành được khai phát, dùng tâm Từ đối xử với nhau, không còn mang tâm sát hại, sau khi mạng chung cũng được sinh về cõi trời.

Trong cảnh Iiga quý, tự nhiên được thức ăn trăm vị, không còn một ai lo nghĩ về sự đói khát, nên đều vui mừng hơn hởi, lại không có tâm bồn sển, sau khi mạng chung đều được sinh lên cõi trời.

Vô lượng chúng sinh bị mù thì lại được thấy. Kẻ điếc thì được nghe, kẻ câm thì nói được. Kẻ tay bị cong vẹo thì co duỗi tự nhiên. Kẻ chân què thì đi được. Người tàn tật, mắc trăm bệnh đều được lành. Tất cả cảnh giam cầm, trói buộc trong địa ngục đều được thả ra.

Tất cả đại chúng, chư Thiên, muôn dân trong cõi đại thiên lúc ấy không ai là không hoan hỷ, tâm được thanh tịnh không dấy khởi tham, sân, si. Trong số này có người sinh về cõi trời, có người chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, hoặc có người phát

tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh chân, hoặc có người kiên trụ nơi pháp bất thoái chuyển..., số người chứng quả như vậy không thể kể xiết.

Hào quang của Đức Thế Tôn chiếu khắp mười phương thế giới, lại quay về, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, rồi nhập vào khoảng giữa hai hàng lông mày.

Khi ấy, Tôn giả A-nan sửa lại y phục, thể hiện oai nghi, quỳ trước Đức Phật chấp tay, bạch:

-Nụ cười hôm nay của Đức Thế Tôn ắt phải có nguyên do, cúi xin Đức Thế Tôn nói rõ nguyên do ấy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Tôn giả, ông có thấy vị Bà-la-môn ấy chẳng?

Tôn giả A-nan đáp:

-Bạch Đức Thế Tôn, dạ vâng, con có thấy.

Đức Phật bảo:

-Người Bà-la-môn này dùng tâm thanh tịnh, làm một bài kệ khen ngợi Phật, nên từ nay cho đến mười ba kiếp về sau, bất cứ sinh vào cõi trời hay cõi người đều được giàu có tự nhiên, thân hình đoan nghiêm, có trí tuệ và tài biện luận, được mọi người ca ngợi, chẳng đọa vào ba đường ác và tám nạn, về sau sẽ thành Bích-chi-phật tên là Hoan Duyệt.

Tất cả chúng hội nghe lời Đức Phật nói, ai nấy đều sinh tâm hoan hỷ, ca ngợi công đức của Như Lai.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

-Công đức của Như Lai thật không thể nghĩ bàn, một bài kệ ca ngợi Đức Phật của Bà-la-môn ấy đã đạt được công đức không thể lường tính. Công đức của Như Lai thật vô cùng to lớn.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Bà-la-môn ấy chẳng phải chỉ mỗi đời nay ca ngợi Ta mà được thiện lợi như vậy.

Trong thời quá khứ xa xưa, vua nước Ba-la-nại tên là Bà-ma-đạt-đa. Khi nhà vua đi săn bắn, các binh chủng: Tượng binh, mã binh, xa binh...

đều theo nhau mở đường và hộ tống. Săn bắn trong núi được một con voi trắng, thân voi trắng như tuyết, làn da mịn đẹp, dễ thương, mà lại có sáu ngà.

Nhà vua được bạch tượng lòng rất sung sướng, liền giao cho người dạy voi để luyện tập điều khiển. Lúc ấy, người dạy voi dùng cùm xiềng voi với một cây gỗ lớn và khóa xiềng lại. Voi buồn khóc rơi lệ, trải qua bảy ngày không ăn uống. Người dạy voi lo sợ voi này không ăn uống chẳng bao lâu sẽ chết, liền tâu lên nhà vua:

-Bạch tượng săn được không chịu ăn uống, buồn khóc rơi lệ.

Nhà vua nghe tâu liền đến xem voi. Đại vương hỏi voi:

-Tại sao ngươi không chịu ăn?

Voi nói tiếng người đáp lại:

-Tâm tôi lo sầu, cúi xin đại vương giải sầu cho tôi.

Đại vương hỏi:

-Ngươi sầu lo những gì?

Bạch tượng nói:

-Tôi còn cha mẹ quá già yếu, đi lại không được, mà không có người nuôi dưỡng, chỉ có mỗi một mình tôi đi hái thức ăn và mang nước uống về cho cha mẹ. Nếu tôi cứ bị xiềng ở đây, thì cha mẹ không ai nuôi dưỡng, cả hai sẽ bị chết thôi. Tôi nghĩ vậy mà buồn sầu. Tâu đại vương, nếu như đại vương có lòng Từ bi, xin tha tôi về để nuôi dưỡng cha mẹ, đến ngày cha mẹ mãn phần, tôi sẽ trở lại cung phụng đại vương, chẳng dám trái lời hứa này.

Vua nghe bạch tượng nói, lòng buồn bã chẳng vui, liền khen ngợi:

-Ngươi tuy là súc sinh mà làm việc con người, ta tuy là con người mà làm việc như súc sinh.

Nhà vua bèn quỳ xuống mở xiềng, ra lệnh cho voi đi.

Bạch tượng trở về nuôi dưỡng cha mẹ suốt mười hai năm, khi cha mẹ mãn phần, liền trở lại cung vua.

Nhà vua thấy bạch tượng trở lại, lòng càng thêm hoan hỷ, lấy anh lạc, bầy báu trang sức cho bạch tượng. Khi đại vương sắp ra đi thì bạch tượng dẫn đường, nên nhà vua yêu bạch tượng còn hơn thái tử. Trong bầy voi của nhà vua, bạch tượng là con voi có quá trình đặc biệt nhất, nên đặt tên là Tượng Phan.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn nghèo cùng, muốn đến nhà vua xin bố thí, lại hỏi mọi người:

-Làm thế nào để nhà vua cho nhiều của cải?

Có người bảo:

-Nhà vua có con bạch tượng hết sức yêu quý, nếu ông có thể ca ngợi bạch tượng ấy, mới có thể xin được nhiều của cải.

Bà-la-môn liền theo dõi, đợi khi nhà vua đi ra, đứng sẵn bên vệ đường, cất tiếng khen ngợi bạch tượng:

Thân người đẹp vô cùng
Giống như voi Đê Thích
Đầy đủ sắc tướng voi
Phước đức cao vời vọi.
Màu sắc không ai bằng
Giống như làn tuyết trắng
Hình dung khó bì kịp
Đặc biệt khó nghĩ lường.

Quốc vương nghe kệ ca ngợi bạch tượng, lòng rất đổi vui mừng, liền thưởng cho Bà-la-môn năm trăm tiền vàng. Bà-la-môn trở nên giàu có.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

-Tượng Phan thời đó là thân Ta ngày nay. Bà-la-môn kia nay là người Bà-la-môn này. Khi ấy, Bà-la-môn khen ngợi Ta, được lợi ích và nhờ Ta giúp cho khỏi cảnh nghèo cùng. Nay Ta thành Phật, mà Bà-la-môn lại tán thán Ta nên được phước báo không thể lượng tính, vì nhân duyên này, được Ta cứu vớt thoát nạn sinh tử.

Tôn giả A-nan bèn ở trước Phật, quỳ mọp bạch:

-Nhu có người dùng bài kệ bốn câu tán thán Đức Như Lai, sẽ được phước báo về công đức như thế nào?

Đức Phật nói:

-Giả sử có trăm, ngàn, vạn, ức, vô số chúng sinh đều được thân người, đều thành tựu đạo quả Bích-chi-phật. Ví như có người cúng dường: áo mền, thực phẩm, thuốc men, giường nằm, chăn nệm. Cho những Bích-chi-phật ấy trong một trăm năm, thì người này có công đức nhiều chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

-Rất nhiều! Rất nhiều! Không thể nào tính toán được!

Đức Phật lại nói:

-Nếu có người dùng bài kệ bốn câu, đem tâm hoan hỷ ca ngợi Đức Như Lai, thì được công đức hơn phước đức của người cúng dường những vị Bích-chi-phật kia gấp trăm ngàn vạn lần, gấp ức ức vô số lần không thể dùng ví dụ.

Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe lời Đức Phật dạy, đều hết sức vui mừng, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, đầu mặt sát đất đánh lễ.

* *
*

Nghe như vậy:

Một thuở nọ Đức Phật dừng chân nơi một tỉnh xá thuộc nước Ba-la-nại. Theo đúng pháp của chư Phật, ngày đêm ba thời dùng mắt của Bạc Chánh Giác quan sát chúng sinh, xem người nào có thể độ được, liền đến độ. Lúc ấy, có quan Thừa tướng thuộc dòng Bà-la-môn, là người giúp việc cho vua Ba-Ia-nại, vừa mới lập gia đình, nên ông ta rất yêu chuộng vợ.

Người vợ thưa với Thừa tướng:

-Xin lang quân cho thiếp một điều.

Quan Thừa tướng đáp:

-Muôn những gì cứ tùy ý nàng.

Người vợ liền thưa:

-Xin lang quân cho phép thiếp tổ chức cúng dường Đức Phật và chư vị Tỳ-kheo Tăng, tự tay rót nước và nghe Đức Phật thuyết pháp.

Thừa tướng liền đồng ý và nói:

-Ta sẽ thuận theo những gì nàng mong muốn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn biết được vợ chồng quan Thừa tướng là người đáng độ, nên từ mờ sáng hôm sau, Ngài đáp y, mang bát đến thẳng nhà vợ chồng quan Thừa tướng. Vợ chồng quan Thừa tướng nghe Đức Phật đã đến ngoài ngõ, nên hết sức vui mừng, liền ra tận nơi cung nghinh, đánh lễ đầu mặt sát đất, rồi thiết trí tòa ngồi, thỉnh Đức Phật thăng tòa, vợ chồng Thừa tướng dâng cúng thức ăn đặc biệt tinh khiết, ngon ngọt. Khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, vợ chồng tự tay cầm bình rót nước để Thế Tôn rửa tay, súc miệng. Xong xuôi, Đức Phật vì vợ chồng Thừa tướng mà thuyết pháp. Đức Phật tán thán công đức bố thí, trì giới sẽ sinh lên cõi trời hay cõi người, tự nhiên hưởng cảnh giàu có, tôn vinh, phú quý, an lạc vô cùng. Tuy được cao sang, được thỏa chí mong cầu, nhưng không thoát khỏi cảnh khổ trong ba đường ác:

Cảnh khổ trong địa ngục, như lửa đốt, nước sôi, núi đao, rừng kiếm, lò than, dao cắt, cưa sả... đau khổ vô cùng khốc liệt, không sao kể xiết.

Cảnh khổ trong ngạ quỷ, như thân hình tiều tụy, bụng lớn, cổ nhỏ như cây kim, tất cả lông đốt trong thân luôn đau nhức rã rời dường như lửa đốt. Trải qua trăm ngàn vạn năm, không nghe danh từ cơm ăn, nước uống, đói khát khổ sở không thể nào diễn tả.

Lại như sự đau khổ trong loài súc sinh, với cảnh tượng tàn ăn nuốt sát hại lẫn nhau của các loài cọp, sói, sư tử, mãng xà, rắn độc, bò cạp...

Tâm độc ác của chúng sinh trong ba đường dữ luôn đầy khởi mãnh liệt, không có mây may tâm thiện, nên phải chịu xoay vần mãi trong cảnh khổ đau xấu ác không có thời kỳ ra khỏi. Chỉ có điều duy nhất là xả bỏ ái dục, suy tư về chân lý, như vậy mới có thể lìa được các khổ não!

Thọ thân trong ba cõi đều nhận lấy khổ báo. Tất cả khổ báo đều từ Tập đế phát sinh. Tập là do các cấu nhiễm ái dục của ba độc, quả báo của các hành nghiệp, lại sinh ra các khổ. Nếu dứt hẳn ba độc, tiêu diệt các dục thì không có các hành nghiệp. Các hành nghiệp đã diệt thì không thọ thân căn. Thân căn đã không thì các khổ liền diệt. Muốn diệt sạch sự ràng buộc của các hành nghiệp, điều duy nhất là phải tư duy thực hiện pháp Bát chánh đạo.

Đức Phật vì Thừa tướng và phu nhân thuyết pháp như vậy. Vợ chồng Thừa tướng vô cùng vui mừng, ngộ được pháp Tứ thánh đế, nên ở ngay trước Phật chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi chứng đạo quả rồi, vợ chồng xem gia đình như lao ngục, thấy ái dục như lửa đốt, nên chẳng màng ân ái, quỳ mọp trước Phật xin làm Sa-môn. Đức Phật thọ nhận, tức thì hai người râu tóc tự rụng, pháp y đắp vào thân, người chồng thành Tỳ-kheo, người vợ thành Tỳ-kheo-ni, đều theo hầu Đức Phật trở về tinh xá.

Khi về đến tinh xá, Đức Phật lại vì hai người thuyết giảng về ba mươi bảy phẩm trợ đạo và các pháp thiền định tam-muội. Hai người tư duy, tâm trí khai ngộ, dứt hẳn các dục, đều thành bậc A-la-hán, đủ sáu phép thần thông diệu dụng.

Lúc ấy, chư Tỳ-kheo cùng tán dương thần lực trí tuệ của Như

Lai, đồng thời ca ngợi hai vị A-la-hán là những người có nhân duyên quá đặc biệt. Người chồng hiện hưởng địa vị cao sang, lại bỏ cảnh phú quý, bỗng lộc vinh hiển, còn người vợ đang tuổi thanh xuân mà lìa bỏ được dục lạc. Việc của hai người rất khó làm, không ai sánh kịp.

Đức Phật bảo đại chúng Tỳ-kheo:

-Hai vị A-la-hán này vào thời quá khứ cũng đã phát tâm lành, cho đến ngày nay tâm lành ấy cũng vậy.

Đức Phật lại nói:

-Vào thời quá khứ xa xưa cách đây vô lượng kiếp, vua Ba-la-ma-đạt nước Ba-la-nại có vị Thừa tướng tên là Tỳ-đậu-lê, là người nhân từ, thông minh học rộng, không gì là không thông đạt, luôn đem mười điều lành giáo hóa dân chúng, từ vua cho đến mọi người không ai là không học tập, nhà vua rất kính mến.

Khi ấy, trong biển có vị Long vương tên là Ba-lưu-ni, Long vương có một phu nhân tên là Ma-na-tư được vua hết sức yêu quý. Một hôm, Long vương sắp lên cung trời Đê Thích để dự đại hội, nên đem phu nhân giao cho năm trăm thể nữ ở trong cung chăm sóc, không được vì một lý do gì quấy nhiễu xúc phạm, khiến tâm phu nhân không được vui vẻ.

Sau khi Long vương đi rồi, phu nhân ở nhà tĩnh tọa, tư duy về việc làm nơi đời quá khứ của mình. Bà nghĩ nhớ về đời trước của mình, khi làm thân người do hủy phạm giới cấm, nay phải bị đọa trong loài rồng,

tức thời chẳng vui, buồn khóc lệ trào. Đám tỳ nữ hầu cận thấy linh bà chẳng vui, cùng nhau thưa hỏi:

-Vì có gì linh bà không vui?

Phu nhân đáp:

-Ta nhớ lại đời quá khứ của mình, vốn khi làm người, mắc tình phạm giới cấm nên nay phải làm thân rồng, thọ lấy hình dáng xấu ác này, do đó mà chẳng vui.

Phu nhân lại hỏi các tỳ nữ:

-Các người có biết làm cách nào để thoát khỏi thân rồng, được sinh lên cõi trời không?

Các tỳ nữ tâu:

-Đem thân rồng chứa đầy sự xấu ác này để cầu sinh lên cõi trời là điều rất khó. Cầu sinh làm thân người còn không thể được huống hồ là sinh vào cõi trời!

Trong số này, có một tỳ nữ thưa:

-Con từng nghe vua Ba-la-ma-đạt cõi Diêm-phù-đề có một Thừa tướng, là người hết sức nhân từ, trí tuệ vô song, tất cả kinh điển không loại nào là không am hiểu, ông hiểu tất cả các pháp sinh trong năm cõi, nhân, thiên... ông đem năm giới, mười điều thiện giáo hóa mọi người. Vậy có thể đến đó hỏi ông ta, mới biết làm thế nào để thoát khỏi thân rồng và thực hiện những pháp gì để được sinh lên cõi trời.

Khi Long vương trở về, thấy dung nhan của phu nhân không được vui, liền hỏi:

-Vì có gì hậu không được vui?

Phu nhân đáp:

-Hậu nghe tại cõi Diêm-phù-đề, vua Ba-la-ma-đạt nước Ba-la-nại có quan Thừa tướng tên là Tỳ-đâu-lê, là người hết sức nhân từ, thương xót chúng sinh, trí tuệ tuyệt vời, tất cả kinh điển không một loại nào là không thông suốt. Hậu muốn được trái tim ông ấy để ăn, muốn được máu ông ấy để uống. Nếu bắt được ông ấy thì nỗi buồn của hậu mới khuây khỏa.

Long vương đáp:

-Khanh chớ có phiền muộn, ta sẽ làm theo ý muốn của khanh.

Long vương có một người bạn Dạ-xoa chí thân tên là Bất-na-kỳ.
Long vương nói với Dạ-xoa:

-Bỗng dưng phu nhân của ta nghe cỡi Diêm-phù-đề nước Ba-la-nại, nhà vua có một Thừa tướng tên là Tỳ-đậu-lê là người nhân từ, trí tuệ đệ nhất, tất cả kinh điển không loại nào là không thông suốt. Phu nhân của ta muốn được trái tim và máu của ông ấy để về ăn uống, xin bạn niệm tình ta mà bắt cho được ông ấy đến đây.

Nói rồi, Long vương liền lấy hai hạt minh châu trao cho Dạ-xoa. Dạ-xoa liền nhận lời, cất hạt minh châu, liền đi.

Khi Dạ-xoa đến cỡi Diêm-phù-đề, hóa làm khách buôn, cầm hai hạt ngọc Ma-na đi vào trong thành Ba-la-nại, khách đi đường hỏi người lái buôn:

-Người cầm ngọc này muốn bán phải chăng?

Người lái buôn đáp:

-Ta không bán nó, ta muốn dùng nó trong cuộc vui đỏ đen thôi.

Người nghe tức thì vào triều tâu vua:

-Bên ngoài có một khách buôn mang theo hai viên ngọc báu muốn trở tài trong cuộc vui đỏ đen.

Nhà vua nghe nói trong lòng rất mừng, vì luôn tự ý lại nơi tài cờ bạc của mình, cho rằng nhất định thắng cuộc. Vua ra lệnh cho vào, khách buôn liền vào trong nội cung. Nhà vua hỏi khách buôn:

-Trong cuộc đỏ đen, nhà ngươi muốn cá những gì?

Dạ-xoa đáp:

-Nếu tôi thắng cuộc thì Đại vương đem đại thần Tỳ-đậu-lê giao cho tôi. Còn nếu nhà vua đắc thắng thì hai hạt minh châu này thuộc về nhà vua.

Nhà vua liền đồng ý. Chư quần thần tả hữu cùng nhau can gián. Nhà vua vì tham lợi và ý lại vào tài nghệ trong lãnh vực cờ bạc của mình, nên bảo với quần thần:

-Ta nhứt định thắng cuộc, các khanh khởi phải can ngăn.

Liên cùng nhau vào cuộc, kết quả Dạ-xoa đắc thắng, được đại thần Tỳ-đậu-lê. Lúc ấy Dạ-xoa tóm lấy Tỳ-đậu-lê bay thẳng lên hư không.

Nhà vua mất Tỳ-đậu-lê, trong lòng hết sức ưu sầu. Tất cả quần thần đều tâu:

-Nếu nhà vua làm năm việc này sẽ mất ngôi, mất nước:

1. Ham vui cờ bạc.
2. Ưa thích uống rượu.
3. Say đắm nữ sắc, đam mê âm nhạc.
4. Thích đi săn bắn.
5. Chẳng nghe lời can gián của trung thần.

Làm theo năm việc này thì ngôi vua chẳng giữ được bao lâu.

Nói về Dạ-xoa, vắc Tỳ-đậu-lê đi đến giữa núi, định giết. Tỳ-đậu-lê hỏi Dạ-xoa:

-Tại sao giết ta?

Dạ-xoa đáp:

-Phu nhân của Long vương nghe ông là người nhân từ, thông minh trí tuệ bậc nhất, muốn được máu và trái tim ông để ăn uống. Đó là lý do khiến ta giết ông.

Tỳ-đậu-lê nói:

-Ông ngu si chẳng hiểu dụng ý của phu nhân, phu nhân nghe danh ta, muốn được máu ta nghĩa là muốn được nghe giáo pháp của ta. Phu nhân muốn được tim ta nghĩa là muốn được trí tuệ trong tâm ta. Thôi, hai ta đồng đến gặp phu nhân, xem phu nhân cần những gì, ta sẽ cho tất cả.

Rồi Tỳ-đậu-lê vì Dạ-xoa mà nói pháp:

-Người làm ác có năm việc:

1. Làm việc bộp chộp, không đắn đo suy nghĩ.
2. Sau khi hành động rồi thường ôm nhiều hối hận.
3. Nhiều sân hận, không có từ tâm.
4. Tiếng ác đồn xa, mọi người chán ghét không muốn thấy mặt.
5. Chết rồi bị đọa vào trong ba đường ác.

-Người làm việc thiện có năm điều tốt. Năm thứ đó là những gì?

1. Trước khi làm một việc gì phải suy nghĩ chín chắn, có đường lối hẳn hoi, không vội vã hấp tấp, nên về sau khỏi hối hận.

2. Giàu lòng Từ bi, không manh tâm làm hại người.

3. Tiếng tốt được lưu truyền khắp nơi.

4. Được mọi người ái kính, xem như bậc cha mẹ, sư trưởng.

5. Sau khi chết được sinh lên trời hay trong nhân gian được hưởng mọi cảnh an lạc.

Dạ-xoa nghe những lời giảng giải như vậy, tâm trí liền được khai ngộ, đánh lễ đầu mặt sát chân Tỳ-đậu-lê, cầu xin Tỳ-đậu-lê nhận sự sám hối. Tỳ-đậu-lê vì Dạ-xoa nói mười pháp lành để được sinh lên cõi trời. Dạ-xoa nghe pháp, lòng vui mừng hớn hở vâng làm.

Dạ-xoa liền đưa Tỳ-đậu-lê đến Long cung. Phu nhân thầy Tỳ-đậu-lê thì vô cùng hoan hỷ, đầu mặt đánh lễ sát đất, cúi đầu quy mạng, rồi trần thiết bảo tọa, dâng cúng mỹ vị trăm món. Khi ấy, Tỳ-đậu-lê vì Long vương và phu nhân giảng nói về pháp nhân quả họa phước trong năm đường:

-Giữ thân không làm ba điều ác:

- . Đem lòng Từ bi thương xót chúng sinh, không làm điều tổn hại.
- . Trừ bỏ lòng tham lam bòn sẻn, làm những việc nghĩa giúp đỡ lẫn nhau, không sinh tâm trộm cắp.
- . Quán sự dâm dục là như nhớp, đem tâm lìa nữ sắc, sống cuộc đời trong sạch, không dâm dục.

- Giữ miệng không làm bốn điều ác:

- . Lời nói luôn luôn thành thật, không dối trá.
- . Thường nói lời mềm mỏng, không nói lời thô lỗ, cộc cằn.
- . Không nói lời gây kiện tụng, bè phái, hòa giải được mọi tranh chấp.
- . Lời nói phải thành thật, không nên trau chuốt, dối gạt.

-Giữ ý không làm ba điều ác:

- . Tâm thường từ bi nhẫn nhục, không khởi sân hận.
- . Thấy người thành công tốt đẹp ta mừng cho họ, không có tâm ganh tỵ.

. Một lòng sùng kính Tam bảo cho đến giới luật, hiểu rõ tội phước, không hồ nghi.

Thực hành đầy đủ mười điều lành này, không hủy phạm, liền được sinh lên cõi trời, cung điện bằng bảy báu, mọi nhu cầu tùy theo ý muốn được có tự nhiên.

Giữ đủ năm việc: Không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và dứt hẳn rượu chè không được say sưa, sẽ được sinh trong loài người, thuộc dòng hoàng gia hay nhà trưởng giả, địa vị cao sang, giàu có sung sướng vô cùng.

Không có tâm Tù, giết hại chúng sinh, cướp đoạt của người, trộm cướp làm điều trái phép, tư thông vợ người, đam mê ái dục vô độ, nói lời không thật, nói lời hai chiều, nói lời thô ác, mắng nhiếc người ta, sân hận ganh ghét, không hiếu thuận với cha mẹ, không tin Tam bảo, bỏ chánh theo tà..., ai làm những điều ác này, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục, bị thiêu đốt đánh đập, vạn sự độc ác, trải qua bao nhiêu sự đau khổ không thể nào kể xiết.

Mắc nợ chẳng đền, được vay không trả, không tin nhân quả, kiêu mạn tự đại, hủy báng Tam bảo..., chết đọa làm loài súc sinh như ngựa, lạc đà, heo, dê, chó, sư tử, hổ, sói, rắn độc, bò cạp, kỳ đà..., cho đến các loài cầm thú khác. Tâm chúng hết sức độc ác, giết hại lẫn nhau, xoay vần chịu khổ không có thời kỳ ra khỏi.

Tham lam, bòn sẻn, ganh ghét, không chịu bố thí, không dám ăn mặc, không tin Tam bảo..., bị lửa bòn sẻn đốt cháy, chết đọa làm ngựa quỷ, thân hình tiều tụy, lông đốt rã rời, toàn thân như lửa nung, trăm ngàn vạn năm không có lúc nào xen hở, ngày đêm đói khát, hoàn toàn chưa từng nghe danh từ cơm ăn, nước-uống.

Chỉ thực hiện mười điều lành, giữ thân, khẩu, ý thì luôn luôn được sinh lên trời hưởng diệu lạc vô cùng.

Lúc ấy Long vương, phu nhân và tất cả loài rồng đều kinh sợ dựng chân lông. Tất cả đều vâng thọ mười điều lành, giữ thân, khẩu, ý, thọ bát quan trai một cách hoan hỷ. Đang khi ấy bỗng có chim đại bàng cánh vàng muốn đến ăn thịt loài rồng, dùng hết thần lực mà không tới gần được. Tất cả loài rồng vui mừng vô cùng, vì thấy điều chưa từng có.

Long vương, phu nhân, tất cả loài rồng trong biển cả cùng tất cả quý Dạ-xoa đều tu theo pháp Thập thiện, không ai là không hoan hỷ cúi đầu đánh lễ Tỳ-đâu-lê.

Long vương liền hỏi Tỳ-đậu-lê:

-Đại sư muốn trở về Diêm-phù-đề không?

Tỳ-đậu-lê đáp:

-Muốn về.

Long vương bèn đem hương chiên-đàn, ngọc Ma-ni và các vật quý báu khác dâng cúng cho Bồ-tát. Phu nhân, thể nữ, tất cả rồng và các quỷ Dạ-xoa đều đem ngọc ngà quý báu lạ thường, dâng lên cho Tỳ-đậu-lê, rồi cùng tiễn đưa trở về cho đến tận nước Ba-la-nại mới cúi đầu hoan hỷ từ biệt.

Loài rồng và các quỷ Dạ-xoa ở trong biển lớn, tâm độc ác đều được tiêu diệt, sau khi chết đều được sinh lên cõi trời.

Vua Ba-la-ma-đạt và chư vị quân thần cùng tất cả dân chúng thấy Tỳ-đậu-lê trở về trong lòng rất đỗi vui mừng, đầu mặt sát đất đánh lễ hỏi han có sự? Tỳ-đậu-lê trình bày đầy đủ đầu đuôi sự việc với nhà vua. Đại vương và thần dân không ai là không hoan hỷ, ca ngợi điều chưa từng có. Tỳ-đậu-lê lại đem ngọc Ma-ni treo trên đầu cây phước, chí tâm cầu nguyện, tức thời khắp trong cõi Diêm-phù-đề trời mưa bằng bảy báu, áo mền, các thức ăn uống... Vô lượng dân chúng quân thần đều được giàu có, an lạc.

Bấy giờ, vua trời Đế Thích, vua cõi người, Long vương nơi đại hải và vua Đại bàng cánh vàng Ca-lưu đều xả bỏ dục lạc, vào nơi thâm sơn đậm vắng ăn chay tọa thiền, tự kiểm chế thân tâm, mỗi người đều tự nói mình đạt được phước đức nhiều nhất.

Vua cõi trời tự nói:

-Ta xả bỏ dục lạc trên cõi trời, ngày nay đến nơi đây giữ gìn thân khẩu ý, ta được phước đức nhiều.

Vua cõi người lại nói:

-Ta xả bỏ các thứ vui về năm dục trong cung điện, đến nơi đây thu nhiếp thân ngữ ý, ta được phước đức nhiều.

Long vương lại nói:

-Ta xả bỏ các thứ dục lạc nơi cung điện bảy báu trong biển cả, nay đến chốn này chế ngự thân ngữ ý, ta được phước đức nhiều.

Vua Đại bàng cánh vàng cũng nói:

-Long vương này là món ăn của ta, ta nay trì trai giữ thân ngữ ý, không còn tâm làm tổn hại, cho đến không còn ăn thịt, ta được phước đức nhiều.

Lúc ấy, bốn vua tự than rằng chưa thể quyết định vị nào được phước đức nhiều, nên cùng nhau bàn:

-Phải cùng đến hỏi Đại sư Tỳ-đậu-lê.

Bốn vị liền đến chỗ Tỳ-đậu-lê, đầu mặt đánh lễ sát đất, mỗi người đồng bạch:

-Xin Đại sư xem xét ai là người được phước đức nhiều?

Bồ-tát đáp:

-Các ông hãy dựng bốn cây phướn, một cây màu xanh, một cây màu trắng, một cây màu vàng và một cây màu đỏ.

Bốn vua liền vâng lời dựng bốn cây phướn.

Bồ-tát lại hỏi;

-Cái bóng của bốn cây phướn kia có khác nhau không? Có phải chỉ là một màu chăng?

Bốn vua đồng đáp:

-Màu sắc mỗi cây phướn khác nhau, nhưng bóng của chúng thì đồng một màu không khác.

Bồ-tát nói:

-Bốn vua các ông đều xả bỏ mọi thú vui dục lạc của mình, đồng đến đây trì giới, giữ gìn thân khẩu ý, công đức của mỗi người đồng đều, không có sai khác, như bốn cây phướn có màu sắc khác nhau, mà bóng của chúng thì cùng một loại không khác.

Lúc đó bốn vị vua nghe Bồ-tát nói thế thì tâm ý đều thông tỏ nên hết sức vui mừng. Vua cõi trời Đế Thích bèn đem áo bằng bông cõi trời cúng dường cho Bồ-tát. Vua cõi người thì đem đủ các loại ngọc quý cúng dường cho Bồ-tát. Long vương trong biển cả thì đem ngọc báu Ma-ni trên

búi tóc của mình dâng cúng Bồ-tát. Vua chim Đại bàng cánh vàng thì đem dây thao quân tóc dâng cúng Bồ-tát.

Lúc ấy, bốn vua rất hoan hỷ lễ tạ từ biệt. Bảy giờ dân chúng cõi Diêm-phù-đề, rồng cùng Dạ-xoa luôn tu Thập thiện, hễ ai mạng chung đều được sinh lên trời, không ai bị đọa vào ba đường ác.

Đức Phật bảo chư Tỳ-kheo:

-Đại sư Tỳ-đậu-lê thời ấy là thân Ta ngày nay. Long vương Ba-lu-ni thời ấy nay là quan Thừa tướng, phu nhân Ma-na-tu thời ấy nay là vợ quan Thừa tướng. Khi xưa làm rồng theo Ta nghe pháp, hoan hỷ ghi nhớ vào lòng, được thoát khỏi thân rồng sinh lên cõi trời. Nay Ta thành Phật, lại theo Ta nghe pháp, tâm sinh hoan hỷ, ý được tỏ ngộ, liền xuất gia, tu duy theo trí tuệ, đoạn tuyệt các dục, cả hai đều chứng A-la-hán. Trong quá khứ cũng nhờ tâm lành, cho đến ngày nay cũng nhờ nơi tâm lành.

Các Tỳ-kheo nghe lời Đức Phật nói, tất cả đều hoan hỷ cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn.

